

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 57.KT (57DN)

Ngành: Kế toán (7340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 110

Điểm trung bình tích lũy: 2.00

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TGN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	57131951	Lê Phạm Đan	Cầm	70	115	2.80	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>				
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10	2018	2	0
						AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3			
						AUD370	Kiểm toán nâng cao	3			
						AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3			
						FIB356	Thẩm định tín dụng	3			
						ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4			
						ACC367	Kế toán quốc tế	3			
						ACC366	Kế toán ngân hàng	3			
						ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
2	57130010	Lê Thị Thu	Hương	4	93	2.57	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
						AUD348	Kế toán chi phí	3	2017	Hè	3.5
						75241	Kế toán chi phí	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				

					AUD349	Kế toán quản trị	3	2017	2	4.0
					75246	Kế toán quản trị	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2017	2	2.8
					75273	Kiểm toán căn bản	3			
					AUD332	Kiểm toán 1	3			
					AUD339	Kiểm toán 1	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 33 - Nhóm tự chọn: 33 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2017	2	4.0
					AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2017	2	5.3
					AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
					75220	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 36 - Nhóm tự chọn: 36 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2018	1	0
					75482	Phân tích hoạt động kinh doanh	2			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 45 - Nhóm tự chọn: 45 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC346	Kế toán tài chính 2	3	2017	1	1.3
					ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
					ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 47 - Nhóm tự chọn: 47 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2016	2	4.5
					FLS354	Tiếng Trung 3	4			
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>					
					AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	2018	2	5.3
					AUD370	Kiểm toán nâng cao	3	2018	2	5.0
					ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4	2018	2	0
					AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3			
					FIB356	Thẩm định tín dụng	3			
					ACC367	Kế toán quốc tế	3			

							ACC366	Kế toán ngân hàng	3			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
3	57131666	Nguyễn Thị Thạch	Thảo	-46	76	2.94	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2016	1	3.4
							MAT307	Toán kinh tế 2	4			
							75794	Tin học ứng dụng	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 04 - Nhóm tự chọn: 04 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3	2018	1	0
							FIB349	Quản trị tài chính nâng cao	3			
							75367	Luật kế toán	2			
							FIB330	Lập và thẩm định dự án đầu tư	2			
							ACC364	Luật kế toán	2			
							75222	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							75221	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2			
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
							FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3	2017	1	2.8
							75248	Kế toán tài chính 1	3			
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			

						ACC347	Kế toán tài chính 1	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						AUD348	Kế toán chi phí	3	2017	2		2.5
						75241	Kế toán chi phí	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2017	2		0
						75246	Kế toán quản trị	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2017	2		0
						75273	Kiểm toán căn bản	3				
						AUD332	Kiểm toán 1	3				
						AUD339	Kiểm toán 1	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1	2018	1		0
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2	2018	1		0
						ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3				
						75011	BTL Tổ chức hạch toán kế toán	1				
						75803	Tổ chức hạch toán kế toán	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 32 - Nhóm tự chọn: 32 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						75570	Quản trị tài chính	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 33 - Nhóm tự chọn: 33 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2017	2		0
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2017	2		2.3
						AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3				
						75220	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 45 - Nhóm tự chọn: 45 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3	2017	1		0
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3				
						ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4				

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>					
							FIB356	Thẩm định tín dụng	3			
							ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							ACC366	Kế toán ngân hàng	3			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3			
							AUD370	Kiểm toán nâng cao	3			
							AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3			
4	57132363	Nguyễn Thị Minh	Thu	98	118	2.27	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 47 - Nhóm tự chọn: 47 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2016	1	5.5
							FLS354	Tiếng Trung 3	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
5	57131698	Nguyễn Đỗ Hoàng	Vũ	-111	67	2.39	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2021	1	0
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2015	2	0
							SSH323	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2015	2	0
							SSH315	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2015	2	0
							75728	Thực hành văn bản	2			
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2016	1	2.2
							MAT307	Toán kinh tế 2	4			

						75794	Tin học ứng dụng	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số tín chỉ đạt: 8</b>												
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	2016	2		6.7
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2016	2		0
						FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3	2016	2		5.5
						ECS363	T.Hành Kinh tế lượng	1				
						ECS362	Kinh tế lượng	2				
						ECS335	Marketing căn bản	3				
						ECS332	Kinh tế lượng	3				
						BUA325	Quản trị học	3				
						FIB320	Thanh toán quốc tế	2				
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3				
						75458	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				
						75393	Marketing căn bản	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						SOT303	Tin học cơ sở	2	2015	1		7.0
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2015	1		0
						SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3				
						75791	Tin học cơ sở	2				
						75726	T.Hành Tin học cơ sở	1				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 11 - Nhóm tự chọn: 11 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2017	1		0
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2019	1		4.0
						75219	Hệ thống thông tin kế toán 1	2				
						AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2019	2		3.5
						75293	Kinh tế vĩ mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 16 - Nhóm tự chọn: 16 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2015	1		4.5

						75469	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2015	2		0
						75470	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						SSH313	Pháp luật đại cương	2	2016	1		3.3
						75492	Pháp luật đại cương	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2016	1		0
						POL233	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
						75825	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3	2015	1		4.0
						75386	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2019	2		4.0
						75292	Kinh tế vi mô	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						SSH314	Kỹ năng giao tiếp	2	2015	2		0
						75267	Khoa học giao tiếp	2				
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
						SSH214	Kỹ năng giao tiếp	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB337	Thuế	3	2016	2		0
						75766	Thuế	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1	2018	1		0
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2	2021	1		2.8
						ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3				
						75011	BTL Tổ chức hạch toán kế toán	1				
						75803	Tổ chức hạch toán kế toán	2				

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 32 - Nhóm tự chọn: 32 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB346	Quản trị tài chính	3	2018	1	1.8
					75570	Quản trị tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 44 - Nhóm tự chọn: 44 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					MAT306	Toán kinh tế 1	4	2015	1	4.0
					MAT313	Giải tích	3			
					MAT312	Đại số tuyến tính	2			
					MAT206	Toán kinh tế 1	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 47 - Nhóm tự chọn: 47 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS354	Tiếng Trung 3	4			
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 50 - Nhóm tự chọn: 50 - Số học phần phải đạt: 1</b>				
					66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
					66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 51 - Nhóm tự chọn: 51 - Số học phần phải đạt: 2</b>				
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2017	1	Vắng
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
					85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
					65004	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
					65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
					65002	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>				
					ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2019	2	0
					AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	2018	2	6.4
					AUD370	Kiểm toán nâng cao	3	2018	2	9.9
					ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4	2018	2	0
					FIB369	Thẩm định tín dụng	2			

							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
							AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
							FIB356	Thẩm định tín dụng	3				
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
							ACC366	Kế toán ngân hàng	3				
6	57130603	Phan Thanh	Liên	11	106	2.44	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2016	1	4.9	
							MAT307	Toán kinh tế 2	4				
							75794	Tin học ứng dụng	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 04 - Nhóm tự chọn: 04 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3	2018	1	3.3	
							FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3	2018	1	5.8	
							FIB349	Quản trị tài chính nâng cao	3				
							75367	Luật kế toán	2				
							FIB330	Lập và thẩm định dự án đầu tư	2				
							ACC364	Luật kế toán	2				
							75222	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
							75221	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
							ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2				
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 47 - Nhóm tự chọn: 47 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS354	Tiếng Trung 3	4				
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 49 - Nhóm tự chọn: 49 - Số học phần phải đạt: 1</b>						

							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>						
							ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4	2018	2	0	
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2019	2	0	
							AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	2018	2	4.8	
							AUD370	Kiểm toán nâng cao	3	2018	2	8.3	
							FIB356	Thẩm định tín dụng	3				
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
							ACC366	Kế toán ngân hàng	3				
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
							AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
7	57131753	Huỳnh Đan	Linh	-20	94	2.34	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2016	1	3.8	
							75794	Tin học ứng dụng	2				
							MAT307	Toán kinh tế 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2015	1	4.8	
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2021	2	9.1	
							75791	Tin học cơ sở	2				
							75726	T.Hành Tin học cơ sở	1				
							SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3	2017	1	2.4	
							75248	Kế toán tài chính 1	3				

						ACC326	Kế toán tài chính 1	4					
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2015	2		3.0	
						75470	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB337	Thuế	3	2021	1		4.0	
						75766	Thuế	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 33 - Nhóm tự chọn: 33 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2021	2		5.3	
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2021	2		4.5	
						AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3					
						75220	Hệ thống thông tin kế toán 2	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 44 - Nhóm tự chọn: 44 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						MAT306	Toán kinh tế 1	4	2016	Hè		4.0	
						MAT313	Giải tích	3					
						MAT312	Đại số tuyến tính	2					
						MAT206	Toán kinh tế 1	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 48 - Nhóm tự chọn: 48 - Số học phần phải đạt: 1</b>							
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5					
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 49 - Nhóm tự chọn: 49 - Số học phần phải đạt: 1</b>							
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2	2021	Hè		0	
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5					
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 51 - Nhóm tự chọn: 51 - Số học phần phải đạt: 2</b>							
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2020	1		7.5	
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2017	2		4.0	
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2015	2		2.0	
						65004	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1					

							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							65002	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>						
							AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	2018	2	2.2	
							AUD370	Kiểm toán nâng cao	3	2018	2	4.4	
							ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4	2018	2	0	
							ACC367	Kế toán quốc tế	3	2021	2	5.5	
							AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
							FIB356	Thẩm định tín dụng	3				
							ACC366	Kế toán ngân hàng	3				
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4				
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
8	57131904	Hồ Đăng Bảo	Ngọc	-203	30	2.36	<b>Lý do không đạt:</b>						
							Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1				
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							SSH323	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2015	2	0	
							SSH315	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2015	2	0	
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2015	2	0	
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2				
							75728	Thực hành văn bản	2				
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						

						INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2016	1	0
						MAT307	Toán kinh tế 2	4			
						75794	Tin học ứng dụng	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số tín chỉ đạt: 8</b>					
						FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3	2018	1	3.0
						75458	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						75393	Marketing căn bản	3			
						ECS363	T.Hành Kinh tế lượng	1			
						ECS362	Kinh tế lượng	2			
						ECS335	Marketing căn bản	3			
						ECS332	Kinh tế lượng	3			
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						BUA336	Luật kinh doanh	3			
						BUA325	Quản trị học	3			
						FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2015	1	0
						SOT303	Tin học cơ sở	2	2015	1	5.5
						SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3			
						75791	Tin học cơ sở	2			
						75726	T.Hành Tin học cơ sở	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 11 - Nhóm tự chọn: 11 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2018	1	8.5
						AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
						75219	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
						75248	Kế toán tài chính 1	3			

						ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2016	1		0
						75293	Kinh tế vĩ mô	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2015	2		4.0
						75470	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						SSH313	Pháp luật đại cương	2	2016	1		0
						75492	Pháp luật đại cương	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2016	1		0
						POL233	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
						75825	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2018	1		3.3
						75292	Kinh tế vi mô	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						SSH314	Kỹ năng giao tiếp	2	2015	2		0
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
						SSH214	Kỹ năng giao tiếp	2				
						75267	Khoa học giao tiếp	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 23 - Nhóm tự chọn: 23 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3	2016	1		0
						75613	Tài chính - Tiền tệ	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 25 - Nhóm tự chọn: 25 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						75455	Nguyên lý kế toán	3				
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				

						POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
						75189	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 27 - Nhóm tự chọn: 27 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						75500	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2				
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2018	1	0	
						75246	Kế toán quản trị	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						AUD354	Kiểm toán cơ bản	3				
						75273	Kiểm toán căn bản	3				
						AUD332	Kiểm toán 1	3				
						AUD339	Kiểm toán 1	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 32 - Nhóm tự chọn: 32 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						75570	Quản trị tài chính	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 33 - Nhóm tự chọn: 33 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3				
						75220	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1				
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 36 - Nhóm tự chọn: 36 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						75482	Phân tích hoạt động kinh doanh	2				
						AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 37 - Nhóm tự chọn: 37 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3				
						75245	Ngân hàng thương mại	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 38 - Nhóm tự chọn: 38 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						FIB342	Toán tài chính	3	2016	1	0	
						FIB332	Toán tài chính	3				
						FIB339	Toán tài chính	2				

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 45 - Nhóm tự chọn: 45 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2018	1	3.5
					ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
					ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
					ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 46 - Nhóm tự chọn: 46 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2015	2	0
					FLS371	Tiếng Trung (2)	4			
					FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 47 - Nhóm tự chọn: 47 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS354	Tiếng Trung 3	4			
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 48 - Nhóm tự chọn: 48 - Số học phần phải đạt: 1</b>				
					66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
					66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 49 - Nhóm tự chọn: 49 - Số học phần phải đạt: 1</b>				
					QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
					66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
					66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 50 - Nhóm tự chọn: 50 - Số học phần phải đạt: 1</b>				
					66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3	2015	1	4.5
					66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 51 - Nhóm tự chọn: 51 - Số học phần phải đạt: 2</b>				
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2016	2	6.0
					65002	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
					85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			

							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							65004	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>						
							FIB356	Thẩm định tín dụng	3				
							ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4				
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
							ACC366	Kế toán ngân hàng	3				
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4				
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
							AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3				
							AUD370	Kiểm toán nâng cao	3				
							AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				
9	57132195	Lê Kiều Huyền	Trần	28	92	2.32	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ECS329	Kinh tế vi mô	3	2015	2	4.8	
							75292	Kinh tế vi mô	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							AUD348	Kế toán chi phí	3	2017	2	3.8	
							75241	Kế toán chi phí	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 32 - Nhóm tự chọn: 32 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							FIB346	Quản trị tài chính	3	2018	1	4.5	
							75570	Quản trị tài chính	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 38 - Nhóm tự chọn: 38 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							FIB342	Toán tài chính	3	2016	1	3.5	
							FIB339	Toán tài chính	2	2017	1	0	

						FIB332	Toán tài chính	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 44 - Nhóm tự chọn: 44 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						MAT306	Toán kinh tế 1	4	2015	1	4.0	
						MAT313	Giải tích	3				
						MAT312	Đại số tuyến tính	2				
						MAT206	Toán kinh tế 1	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 52 - Nhóm tự chọn: 52 - Số tín chỉ đạt: 9</b>												
						ACC368	TTập Nghề nghiệp (Kế toán) (8 tuần)	4	2018	2	0	
						FIB356	Thẩm định tín dụng	3				
						ACC367	Kế toán quốc tế	3				
						ACC366	Kế toán ngân hàng	3				
						ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4				
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
						AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3				
						AUD370	Kiểm toán nâng cao	3				
						AUD366	Kế toán hành chính sự nghiệp	3				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 57.TC (57TC)

Ngành: Tài chính - Ngân hàng (7340201)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 121

Điểm trung bình tích lũy: 2.00

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	57130453	Đặng Văn	Đại	2	103	2.21	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2019	1	0
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2015	2	5.8
						SSH315	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2015	2	4.5
						MAT307	Toán kinh tế 2	4			
						INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2			
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
						75621	Tâm lý học đại cương	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số tín chỉ đạt: 21</b>				
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2018	1	5.5
						BUA325	Quản trị học	3	2017	1	3.0
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3	2018	1	5.3
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2018	1	5.4
						SSH323	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2016	1	6.1
						SSH314	Kỹ năng giao tiếp	2	2015	1	5.8
						ECS335	Marketing căn bản	3	2019	1	2.5
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2017	2	1.5
						FIB355	Tài chính công	3	2017	2	6.5
						75393	Marketing căn bản	3			
						BUA364	Quản trị chiến lược	3			
						BUA336	Luật kinh doanh	3			
						ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			

						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3				
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2				
						ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3				
						FIB359	Mô hình tài chính	3				
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
						FIB347	Bảo hiểm	3				
						POL317	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2018	1	4.5	
						75470	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3				
						75293	Kinh tế vĩ mô	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 35 - Nhóm tự chọn: 35 - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3	2018	2	3.5	
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3	2018	2	5.3	
						FIB363	TTập Nghề nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	4	2018	2	8.5	
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5				
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 37 - Nhóm tự chọn: 37 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2019	1	0	
						FIB356	Thẩm định tín dụng	3	2018	1	2.3	
2	57138022	Nguyễn Cao Thùy	Duyên	-1	90	2.47	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
						<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số tín chỉ đạt: 21</b>						
						SSH314	Kỹ năng giao tiếp	2	2015	1	6.8	
						ECS335	Marketing căn bản	3	2019	1	0	

						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2018	1	7.0
						BUA325	Quản trị học	3	2017	1	0
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3	2018	1	5.8
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2018	1	5.6
						SSH323	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2016	1	6.9
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2017	2	0
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2018	2	2.3
						FIB355	Tài chính công	3			
						FIB347	Bảo hiểm	3			
						POL317	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2			
						75393	Marketing căn bản	3			
						BUA364	Quản trị chiến lược	3			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
						ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
						FIB359	Mô hình tài chính	3			
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS332	Kinh tế lượng	3	2018	2	4.0
						ECS363	T.Hành Kinh tế lượng	1			
						ECS362	Kinh tế lượng	2			
						75285	Kinh tế lượng	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2017	1	0
						75189	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2016	1	3.3
						75293	Kinh tế vĩ mô	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					

							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3	2016	2	0
							75613	Tài chính - Tiền tệ	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3	2016	1	0
							75386	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 35 - Nhóm tự chọn: 35 - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3	2018	2	3.8
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3	2018	2	5.8
							FIB363	TTập Nghề nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	4	2018	2	8.0
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5			
							FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
3	57130459	Nguyễn Thành	Phong	16	95	2.69	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số tín chỉ đạt: 21</b>					
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2018	1	5.9
							SSH323	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2016	1	4.6
							SSH314	Kỹ năng giao tiếp	2	2015	1	5.1
							ECS335	Marketing căn bản	3	2017	1	0
							FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2018	1	0
							BUA325	Quản trị học	3	2017	1	7.0
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2018	1	5.0
							FIB355	Tài chính công	3	2017	2	7.5
							BUA336	Luật kinh doanh	3	2016	2	4.8
							AUD349	Kế toán quản trị	3	2017	2	6.5
							ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
							FIB359	Mô hình tài chính	3			
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
							FIB347	Bảo hiểm	3			



							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 32 - Nhóm tự chọn: 32 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5	2015	1	4.6
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2018	2	0
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2018	2	0
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2			
5	57131227	Vy Thị Triều	Tiên	-139	24	2.40	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							SSH315	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2015	2	3.7
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
							75621	Tâm lý học đại cương	2			
							MAT307	Toán kinh tế 2	4			
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2			
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số tín chỉ đạt: 21</b>					
							SSH314	Kỹ năng giao tiếp	2	2015	1	6.0
							ECS335	Marketing căn bản	3	2017	1	5.8
							BUA325	Quản trị học	3	2017	1	0
							FIB355	Tài chính công	3	2017	2	9.0
							BUA336	Luật kinh doanh	3	2018	2	0

						FIB347	Bảo hiểm	3			
						POL317	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2			
						75393	Marketing căn bản	3			
						BUA364	Quản trị chiến lược	3			
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2			
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3			
						ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
						ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
						SSH323	Kỹ năng làm việc nhóm	2			
						FIB359	Mô hình tài chính	3			
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 11 - Nhóm tự chọn: 11 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2015	1	0
						SOT303	Tin học cơ sở	2	2015	1	4.2
						SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3			
						75791	Tin học cơ sở	2			
						75726	T.Hành Tin học cơ sở	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS332	Kinh tế lượng	3	2016	2	3.5
						ECS363	T.Hành Kinh tế lượng	1			
						ECS362	Kinh tế lượng	2			
						75285	Kinh tế lượng	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2015	2	3.3
						75470	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					

						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2016	2	3.0
						75825	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						POL233	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						SSH313	Pháp luật đại cương	2	2015	2	2.3
						75492	Pháp luật đại cương	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB337	Thuế	3	2017	2	0
						75766	Thuế	3			
						FIB237	Thuế	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2017	1	1.0
						75189	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3			
						75293	Kinh tế vĩ mô	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 23 - Nhóm tự chọn: 23 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						75458	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 25 - Nhóm tự chọn: 25 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2016	2	4.3
						75455	Nguyên lý kế toán	3			
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3	2015	1	4.3
						75386	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 27 - Nhóm tự chọn: 27 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						FIB342	Toán tài chính	3	2016	2	4.3
						75808	Toán tài chính	2			
						FIB339	Toán tài chính	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					

						FLS312	Tiếng Anh A2.1	4				
						FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số học phần phải đạt: 2</b>						
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2018	1	0	
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1	2015	2	6.5	
						65002	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
						65004	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 34 - Nhóm tự chọn: 34 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 35 - Nhóm tự chọn: 35 - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5				
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3				
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3				
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3				
						FIB363	TTập Nghề nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 36 - Nhóm tự chọn: 36 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						MAT306	Toán kinh tế 1	4	2016	Hè	0	
						MAT313	Giải tích	3				
						MAT312	Đại số tuyến tính	2				
						MAT206	Toán kinh tế 1	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 37 - Nhóm tự chọn: 37 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						

						FIB356	Thẩm định tín dụng	3				
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 38 - Nhóm tự chọn: 38 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3				
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 39 - Nhóm tự chọn: 39 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						FIB349	Quản trị tài chính nâng cao	3				
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Cao đẳng - 57C.KT (CDN57)

Ngành: Kế toán (6340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 67

Điểm trung bình tích lũy: 2.00

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	57160837	Huỳnh Thị Mỹ	Hằng	52	75	2.63	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>											
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2017	1	0
						FLS371	Tiếng Trung (2)	4			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số học phải đạt: 1</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2016	1	Hoãn
							FLS370	Tiếng Trung (1)	3			
2	57168002	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	60	83	2.37	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 04 - Nhóm tự chọn: 04 - Số học phải đạt: 1</b>					
							66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
							66004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (45 tiết)	1			
							66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
3	57160458	Đặng Hồng	Soài	50	79	2.26	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số học phải đạt: 1</b>					
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5	2015	1	4.2
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2017	Hè	4.7
							66002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phải đạt: 1</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2017	2	3.9
							FLS371	Tiếng Trung (2)	4			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 58.KT (58KT)

Ngành: Kế toán (7340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 128

Điểm trung bình tích lũy: 2.00

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên		TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	58130905	Lê Trịnh Ngọc	Hà	26	65	2.32	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>												
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3			
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2017	2	0
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 10</b>												
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												

							EPM320	Con người và môi trường	2				
							ENE334	Biến đổi khí hậu	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
							FIB339	Toán tài chính	2	2018	1	4.0	
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2	2019	1	4.0	
							ECS335	Marketing căn bản	3	2017	2	2.0	
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2016	1	2.9	
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	3.3	
							ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
2	58130980	Dương Nhật	Nam	88	117	2.13	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							BUA336	Luật kinh doanh	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	2	3.2	
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 11 - Nhóm tự chọn: 11 - Số học phần phải đạt: 2</b>						
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2018	1	0	
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1	2020	2	0	
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2021	Hè	6.5	
							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				

								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số học phải đạt: 1</b>				
							66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
							66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2022	1	3.9
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
							MAT312	Đại số tuyến tính	2	2016	1	0
							MAT313	Giải tích	3	2016	2	4.3
							MAT206	Toán kinh tế 1	4			
3	58130989	Võ Minh	Ngọc	116	121	2.22	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3			
4	58131009	Nguyễn Gia	Phúc	79	102	2.30	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	3.9
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2018	2	0

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							FIB339	Toán tài chính	2	2017	1	3.3
							ECS335	Marketing căn bản	3	2017	2	7.0
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
5	58130968	Cao Thị Kiều	Loan	19	71	2.35	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							BUA336	Luật kinh doanh	3			
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2			
							POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
							POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							AUD340	Kiểm toán 2	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	1	2.1
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2016	2	5.7
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2016	2	6.4
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			

							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2017	2	0.5	
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2020	1	0	
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	2	0	
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2020	2	0	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
							FIB339	Toán tài chính	2	2017	1	2.5	
							ECS335	Marketing căn bản	3	2017	2	7.0	
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2016	2	0	
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2018	1	3.8	
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2017	1	0	
							ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
6	57137057	Nguyễn Thị Mai	Thanh	-40	53	2.50	<b>Lý do không đạt:</b>						
							Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				

						ACC367	Kế toán quốc tế	3				
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2				
						AUD348	Kế toán chi phí	3				
						AUD349	Kế toán quản trị	3				
						AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2				
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1				
						BUA336	Luật kinh doanh	3				
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				
						FIB337	Thuế	3				
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3				
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3				
						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
						ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2				
						AUD339	Kiểm toán 1	3				
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
						ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3				
						AUD340	Kiểm toán 2	2				
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2015	1	5.5	
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2015	2	7.0	
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2				

						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						ACC326	Kế toán tài chính 1	4					
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số học phần phải đạt: 1</b>							
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5					
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3					
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số học phần phải đạt: 1</b>							
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5					
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2					
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số học phần phải đạt: 1</b>							
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3					
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 10</b>							
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10					
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
						AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2					
						ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						EPM320	Con người và môi trường	2					
						ENE334	Biến đổi khí hậu	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>							
						ECS335	Marketing căn bản	3	2016	2	7.2		
						FIB321	Thị trường chứng khoán	2					
						FIB320	Thanh toán quốc tế	2					

							FIB339	Toán tài chính	2				
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2016	2	3.8	
							ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							MAT313	Giải tích	3				
							MAT312	Đại số tuyến tính	2				
							MAT206	Toán kinh tế 1	4				
7	58130513	Đào Hải	Yến	54	77	2.31	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2				
							AUD348	Kế toán chi phí	3				
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
							ECS329	Kinh tế vi mô	3				
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				
							FIB337	Thuế	3				
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3				
							FIB346	Quản trị tài chính	3				
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3				
							AUD340	Kiểm toán 2	2				
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						

							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2018	2	4.4
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	3.3
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
8	58133188	Trương Thị Khánh	Hòa	120	132	2.36	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1	5.3
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
9	58130953	Đỗ Quang	Khoa	42	92	2.19	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
							POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3			
							AUD340	Kiểm toán 2	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					

							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2019	1	4.8
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2016	2	5.4
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2019	2	0
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2019	2	7.3
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2019	2	7.0
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2019	2	0
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2019	2	5.9
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							FIB339	Toán tài chính	2	2019	1	7.9
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3	2017	2	0
							ECS335	Marketing căn bản	3	2019	2	2.7
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	3.0
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Nhập môn Quản trị học - Nhóm tự chọn: Nhập môn Quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							BUA319	Nhập môn Quản trị học	2	2016	1	4.7
							BUA325	Quản trị học	3			
10	58130947	Dương Thị Bích	Kiều	94	109	2.32	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			

						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
						ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3				
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 10</b>												
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2				
						ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4				
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 58.TCNH (58.TCNH)

Ngành: Tài chính - Ngân hàng (7340201)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 140

Điểm trung bình tích lũy: 2.00

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên		TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	58130799	Bùi Khắc	Hiệp	62	102	2.38	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>												
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB337	Thuế	3			



						ECS329	Kinh tế vi mô	3				
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3				
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				
						ECS332	Kinh tế lượng	3				
						FIB337	Thuế	3				
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3				
						FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3				
						FIB352	Tài chính quốc tế	3				
						FIB357	Đầu tư tài chính	3				
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3				
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3				
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3				
						MAT313	Giải tích	3				
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3				
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2				
						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2				
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
						FIB348	Bảo hiểm	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2019	1	3.3	
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2016	1	5.0	
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2016	2	5.0	
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
						POL320	Lôgic học đại cương	2				
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						

						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2019	2	3.3
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 11 - Nhóm tự chọn: 11 - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2019	2	0
						FIB359	Mô hình tài chính	3	2019	2	0
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
						FIB376	Tài chính hành vi	2			
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3			
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số học phần phải đạt: 2</b>					
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2017	1	5.0
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2016	2	4.0
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chày)	1			
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2016	1	5.4
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3	2018	1	3.2
						FIB346	Quản trị tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 16 - Nhóm tự chọn: 16 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						FIB339	Toán tài chính	2	2017	2	0
						FIB342	Toán tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
						ECS335	Marketing căn bản	3	2017	1	5.5
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3	2017	2	3.2

							FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3				
							DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				
							DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
							BUA336	Luật kinh doanh	3				
							AUD349	Kế toán quản trị	3				
							TRE252	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3	2018	2	0	
							AUD302	Kiểm soát nội bộ	3				
							BUA364	Quản trị chiến lược	3				
							FIB371	Kiểm soát nội bộ	3				
							BUA349	Quản trị chiến lược	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							FIB351	Quản trị tài chính 2	3	2018	2	0	
							FIB324	Quản trị tài chính 2	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	2019	1	0	
							FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
3	58130619	Hoàng Thị Hồng	Thanh	-3	65	2.35	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3				
							ACC345	Kế toán tài chính	4				
							ECS332	Kinh tế lượng	3				
							FIB337	Thuế	3				
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3				
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3				

						FIB357	Đầu tư tài chính	3					
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3					
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3					
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3					
						MAT313	Giải tích	3					
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3					
						SOT303	Tin học cơ sở	2					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2					
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2016	1		6.0	
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2016	2		6.3	
						POL320	Lôgic học đại cương	2					
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2017	1		3.5	
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 11 - Nhóm tự chọn: 11 - Số tín chỉ đạt: 10</b>							
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5	2019	2		0	
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2019	2		6.5	
						FIB359	Mô hình tài chính	3	2019	2		6.5	
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10					
						FIB376	Tài chính hành vi	2					
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3	2018	1		0	

						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
						ECS335	Marketing căn bản	3	2017	1	6.6	
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3				
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
						BUA336	Luật kinh doanh	3				
						AUD349	Kế toán quản trị	3				
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
						TRE252	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3	2018	2	3.4	
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3				
						BUA364	Quản trị chiến lược	3				
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3				
						BUA349	Quản trị chiến lược	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2018	Hè	0	
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
4	58130858	Hà Thị Ánh	Thư	61	89	2.36	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
						<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
						FIB352	Tài chính quốc tế	3				
						FIB357	Đầu tư tài chính	3				
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3				
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3				
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3				
						MAT313	Giải tích	3				
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2				

						FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 11 - Nhóm tự chọn: 11 - Số tín chỉ đạt: 10</b>												
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						FIB376	Tài chính hành vi	2				
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3				
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5				
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2				
						FIB359	Mô hình tài chính	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 5</b>												
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2016	1		3.8
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2016	2		6.2
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3	2019	1		0
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3	2018	2		3.5
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	2019	1		0
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
5	58132855	Nguyễn Hồ Thu	Uyên	119	133	2.23	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>												
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3				
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2017	1		4.5
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 5</b>												
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2016	1		3.8

							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 59.KIT (59.KIT)

Ngành: Kế toán (chuyên ngành Kiểm toán) (7340301A)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 152

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	T.C.N	T.C.T.L	T.B.T.L	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	59131503	Nguyễn Thị Nga	52	75	6.11		<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
						FIB337	Thuế	3			
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3			

						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						MAT313	Giải tích	3				
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						AUD377	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3				
						AUD378	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3				
						AUD379	T.Hành Kiểm toán	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	2020	1	3.3	
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2019	2	0	
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
						AUD382	bộ)	6	2020	2	0	
						AUD381	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán/Tài chính-Ngân hàng)	4	2020	2	0	
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kttc2 - Nhóm tự chọn: kttc2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3	2019	1	2.4	
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1	0	
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2018	1	2.0	
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2017	2	5.5	
						65002	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
						65004	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
2	59131558	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	118	119	6.36	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2019	1	5.3
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	2	2.0
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2017	2	5.0
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2			
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
							POL320	Lôgic học đại cương	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							AUD382	bộ)	6	2020	2	0
							AUD381	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán/Tài chính-Ngân hàng)	4	2020	2	0
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
3	59139159	Trần Nguyễn Anh	Thư	129	120	6.49	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							AUD382	bộ)	6	2020	2	0
							AUD381	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán/Tài chính-Ngân hàng)	4	2020	2	0
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
4	59132843	Cao Ngọc	Trinh	101	103	6.42	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					

							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
							ECS330	Kinh tế vi mô	3				
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3				
							FIB346	Quản trị tài chính	3				
							POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							AUD382	bộ)	6	2020	2	0	
							AUD381	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán/Tài chính-Ngân hàng)	4	2020	2	0	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: ktcc1 - Nhóm tự chọn: ktcc1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2018	2	4.8	
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3				
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: ktcc2 - Nhóm tự chọn: ktcc2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ACC342	Kế toán tài chính 2	3	2020	1	4.5	
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
5	59132888	Trần Nguyễn Thành	Trung	132	121	6.93	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							AUD382	bộ)	6	2020	2	0	
							AUD381	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán/Tài chính-Ngân hàng)	4	2020	2	0	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 59.KT (59.KT)

Ngành: Kế toán (7340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 156

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	59130466	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	108	104	6.49	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
						FIB346	Quản trị tài chính	3			
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2018	2	4.8
						ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2020	1	5.9
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	2.3
						ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2017	2	4.2
						ECS229	Kinh tế vi mô	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: những nguyên lý 2 - Nhóm tự chọn: những nguyên lý 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2018	1	4.8
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2020	2	0

							POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2020	2	0
2	59136199	Vũ Diệu Ngọc	Hà	99	90	6.21	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB337	Thuế	3			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3			
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2022	1	4.0
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			
3	59130950	Nguyễn Hoàng	Huy	9	40	5.93	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			

						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2				
						AUD348	Kế toán chi phí	3				
						AUD349	Kế toán quản trị	3				
						AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1				
						BUA336	Luật kinh doanh	3				
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3				
						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2				
						AUD339	Kiểm toán 1	3				
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
						ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3				
						AUD340	Kiểm toán 2	2				
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2019	1	5.8	
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	2	0	
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2017	2	0	
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2				
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2				
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	2	0	
						ACC326	Kế toán tài chính 1	4				

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>				
					FIB339	Toán tài chính	2	2021	1	5.4
					ECS335	Marketing căn bản	3	2021	1	1.5
					FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
					FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
					TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	2019	2	0
					FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
					FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	2	3.2
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2018	1	4.0
					ECS230	Kinh tế vĩ mô	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ECS329	Kinh tế vi mô	3	2017	2	3.8
					ECS229	Kinh tế vi mô	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>				
					DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10	2020	2	0
					AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	2	0
					FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2020	2	0
					AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2020	2	0
					ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
						<b>Lý do không đạt:</b>				

4	59132623	Trần Thị Thanh	Tiền	69	92	6.68	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							ACC369	TỔ chức hạch toán kế toán	2			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2			
							AUD339	Kiểm toán 1	3			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3			
							AUD340	Kiểm toán 2	2			
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2018	2	3.6
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: thể dục - Nhóm tự chọn: thể dục - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2017	2	4.5
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2018	2	1.0
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2017	2	5.0
							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			

							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	2	0	
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2020	2	0	
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2020	2	1.5	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4				
5	59138007	Đặng Thanh	Xuân	142	132	5.99	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	2	6.0	
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2017	2	5.0	
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2				
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2				
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
6	59132397	Lê	Thiện	-108	6	6.43	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1				
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2				
							AUD348	Kế toán chi phí	3				
							AUD349	Kế toán quản trị	3				
							AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				

						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2				
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1				
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2				
						BUA336	Luật kinh doanh	3				
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				
						FIB337	Thuế	3				
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3				
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3				
						FIB346	Quản trị tài chính	3				
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3				
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2				
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2				
						AUD339	Kiểm toán 1	3				
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
						ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3				
						AUD340	Kiểm toán 2	2				
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2	2017	2	0	
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2017	2	0	
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2017	2	0	
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	2	0	
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2				

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
					FLS312	Tiếng Anh A2.1	4			
					FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					EPM320	Con người và môi trường	2			
					ENE334	Biến đổi khí hậu	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>				
					FIB339	Toán tài chính	2	2018	1	0
					ECS335	Marketing căn bản	3	2018	2	4.1
					FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
					FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
					TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
					FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
					FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	0
					ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2017	2	1.8

						ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2018	1		3.5
						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 5</b>												
						MAT313	Giải tích	3	2017	1		3.8
						MAT312	Đại số tuyến tính	2	2017	2		0
						MAT206	Toán kinh tế 1	4				
						MAT328	Toán 2	2				
						MAT327	Toán 1	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS229	Kinh tế vi mô	3				
						ECS329	Kinh tế vi mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: những nguyên lý 2 - Nhóm tự chọn: những nguyên lý 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2018	1		4.5
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: qp1 - Nhóm tự chọn: qp1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2018	1		0
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: qp2 - Nhóm tự chọn: qp2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2019	1		0
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: thể dục - Nhóm tự chọn: thể dục - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2018	1		7.0
						65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				

							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng hàn - Nhóm tự chọn: tiếng hàn - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS310	Tiếng Anh A1	4	2018	2	Cthi
							FLS3050	Tiếng Pháp (A1)	4			
							FLS394	Tiếng Trung (A1)	4			
							FLS3049	Tiếng Hàn (A1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	2	0
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2020	2	0
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2020	2	0
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TTHCM - Nhóm tự chọn: TTHCM - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2018	2	0
							POL233	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
7	59131242	Nguyễn Thị Kim	Linh	148	129	6.33	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2021	2	4.6
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
8	59131246	Phạm Thị Mỹ	Linh	122	126	6.45	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							SOT303	Tin học cơ sở	2			

							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2022	1		7.3
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2021	2		7.6
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2				
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2				
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							EPM320	Con người và môi trường	2	2017	2		0
							ENE334	Biến đổi khí hậu	2				
9	59132293	Châu Hoàng Kim	Thành	153	133	5.92	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
10	59133099	Nguyễn Thị Thanh	Vi	130	123	6.29	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							FIB346	Quản trị tài chính	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2020	2		Hoãn
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	2		6.2
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2020	2		5.0
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2020	2		6.3
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
							<b>Lý do không đạt:</b>						

11	59169188	Lê Thị Minh	Quý	88	101	6.57	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							AUD339	Kiểm toán 1	3			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2020	2	5.5
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	4.8
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2020	2	0
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	2	7.6
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2020	2	6.3
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2020	2	8.0
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
12	59139167	Huỳnh Thị Kim	Yến	136	128	6.17	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2022	1	6.5
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			

							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 59.TCNH (59.TCNH)

Ngành: Tài chính - Ngân hàng (7340201)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 156

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên		TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	59130180 T	Dương Hữu	Chí	-134	2	5.00		<b>Lý do không đạt:</b> Điểm trung bình tích lũy không đạt khung Không đạt học phần khung xét				
								<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			

						FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3					
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3					
						FIB352	Tài chính quốc tế	3					
						FIB357	Đầu tư tài chính	3					
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3					
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3					
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3					
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3					
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3					
						FLS310	Tiếng Anh A1	4					
						MAT312	Đại số tuyến tính	2					
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						SSH313	Pháp luật đại cương	2					
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2					
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2					
						FIB339	Toán tài chính	2					
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3					
						FIB354	Tài chính công	2					
						FIB348	Bảo hiểm	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
						POL320	Lôgic học đại cương	2					
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
					POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
					POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			
					POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					EPM320	Con người và môi trường	2			
					ENE334	Biến đổi khí hậu	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>				
					ECS335	Marketing căn bản	3			
					DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			
					BUA336	Luật kinh doanh	3			
					AUD349	Kế toán quản trị	3			
					TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
					FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3			
					DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB371	Kiểm soát nội bộ	3			
					BUA349	Quản trị chiến lược	3			
					BUA364	Quản trị chiến lược	3			
					FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
					FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
					AUD302	Kiểm soát nội bộ	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
					FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
					FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				

						BUA325	Quản trị học	3					
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2					
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3					
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2					
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>							
						FIB376	Tài chính hành vi	2	2020	2		0	
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3	2020	2		0	
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5	2020	2		0	
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10					
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2					
						FIB359	Mô hình tài chính	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						MAT313	Giải tích	3					
						MAT327	Toán 1	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3					
						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3					
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3					
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3					
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							

						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1	2020	2	7.3
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5			
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2			
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
						QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2020	1	4.6
						FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
						FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	2	Cthi
						FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Tin học cơ sở - Nhóm tự chọn: Tin học cơ sở - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						SOT303	Tin học cơ sở	2			
						SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2020	2	3.0
						POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			

2	59130206	Trần Thành	Công	-48	36	5.64	<b>Lý do không đạt:</b>				
							Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
						ACC345	Kế toán tài chính	4			
						ECS329	Kinh tế vi mô	3			
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						ECS332	Kinh tế lượng	3			
						FIB337	Thuế	3			
						FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
						FIB357	Đầu tư tài chính	3			
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3			
						MAT312	Đại số tuyến tính	2			
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
						SSH313	Pháp luật đại cương	2			
						FIB339	Toán tài chính	2			
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3			
						FIB354	Tài chính công	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>				
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	2	5.9
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2017	2	6.3
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2017	2	3.3
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2018	2	2.5
						POL320	Lôgic học đại cương	2			

						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2017	2		3.5
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2021	2		0
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3				
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
						ECS335	Marketing căn bản	3	2018	1		4.1
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2018	1		3.4
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2018	2		0
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2018	2		0
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3	2021	2		0
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3				
						BUA349	Quản trị chiến lược	3				
						BUA364	Quản trị chiến lược	3				
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3				
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3				
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2021	1		2.7
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3	2020	2		0
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	2020	1		0

						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1		0
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3	2020	2		0
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>												
						FIB376	Tài chính hành vi	2				
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3				
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5				
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2				
						FIB359	Mô hình tài chính	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						MAT313	Giải tích	3	2017	1		0
						MAT327	Toán 1	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2018	1		3.0
						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2017	1		Vắng
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2020	1		6.0
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2017	2		Vắng
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>												

							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2019	2	3.8
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
3	59130285	Vũ Tiến	Đạt	5	84	6.46	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
							MAT312	Đại số tuyến tính	2			
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							FIB354	Tài chính công	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					
							POL320	Lôgic học đại cương	2	2018	1	7.5
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2021	1	0
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2	2021	1	0
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2022	1	2.5
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2021	1	2.5
							POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2020	1	7.0
							POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2017	2	3.5
							POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							EPM320	Con người và môi trường	2			
							ENE334	Biến đổi khí hậu	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					

						ECS335	Marketing căn bản	3	2020	1	5.0
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2018	1	1.5
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3			
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	2017	1	0
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2020	2	4.2
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5	2020	2	8.0
						FIB376	Tài chính hành vi	2			
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3			
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2			
						FIB359	Mô hình tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						MAT313	Giải tích	3	2017	1	1.5
						MAT327	Toán 1	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2	2021	1	0
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1	2020	2	7.0
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5			
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			

							66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
							QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2021	1	0
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1	2021	1	0
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Tin học cơ sở - Nhóm tự chọn: Tin học cơ sở - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2017	2	0
							SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
4	59130925	Trần Ngọc	Huy	152	129	6.26	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
5	59131115	Đình Tuấn	Kiệt	-53	30	6.15	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			

						FIB357	Đầu tư tài chính	3				
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3				
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3				
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3				
						MAT312	Đại số tuyến tính	2				
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3				
						SSH313	Pháp luật đại cương	2				
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2				
						FIB339	Toán tài chính	2				
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3				
						FIB354	Tài chính công	2				
						FIB348	Bảo hiểm	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						EPM320	Con người và môi trường	2				
						ENE334	Biến đổi khí hậu	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2018	1	4.2	
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2018	2	2.7	
						ECS335	Marketing căn bản	3				
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3				
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3				
						BUA349	Quản trị chiến lược	3				

						BUA364	Quản trị chiến lược	3					
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4					
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4					
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3					
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2					
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	0		
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>							
						FIB376	Tài chính hành vi	2	2020	2	0		
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3	2020	2	0		
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5					
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10					
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2					
						FIB359	Mô hình tài chính	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						MAT313	Giải tích	3	2017	1	0		
						MAT327	Toán 1	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	3.9		



7	58132777 T	Hà Kiều	Oanh	-148	0	0	Điểm trung bình tích lũy không đạt khung Không đạt học phần khung xét					
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>												
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB362	Thanh toán quốc tế	3			
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3			
							FLS310	Tiếng Anh A1	4			
							MAT312	Đại số tuyến tính	2			
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
							POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			
							FIB339	Toán tài chính	2			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							FIB353	Quản trị tài chính 1	3			

						FIB354	Tài chính công	2					
						FIB348	Bảo hiểm	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
						POL320	Lôgic học đại cương	2					
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2					
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						EPM320	Con người và môi trường	2					
						ENE334	Biến đổi khí hậu	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>							
						ECS335	Marketing căn bản	3					
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					
						BUA336	Luật kinh doanh	3					
						AUD349	Kế toán quản trị	3					
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3					
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3					
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3					
						BUA349	Quản trị chiến lược	3					
						BUA364	Quản trị chiến lược	3					

						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4					
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4					
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						BUA325	Quản trị học	3					
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2					
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3					
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2					
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2					
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>							
						FIB376	Tài chính hành vi	2	2020	2	0		
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3	2020	2	0		
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5					
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10					
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2					
						FIB359	Mô hình tài chính	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						MAT313	Giải tích	3					

						MAT327	Toán 1	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3				
						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3				
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3				
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1A - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1A - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5				
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
						QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				

							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Tin học cơ sở - Nhóm tự chọn: Tin học cơ sở - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
							SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
8	59132771	Đinh Thị Ngọc	Trang	-64	44	6.09	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			

						FIB362	Thanh toán quốc tế	3					
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3					
						FIB354	Tài chính công	2					
						FIB348	Bảo hiểm	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>							
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2018	1	4.5		
						ECS335	Marketing căn bản	3					
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					
						AUD349	Kế toán quản trị	3					
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3					
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3					
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3					
						BUA349	Quản trị chiến lược	3					
						BUA364	Quản trị chiến lược	3					
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4					
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4					
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							

						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2017	2	1.0
						BUA325	Quản trị học	3			
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3			
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2			
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
						FIB376	Tài chính hành vi	2	2020	2	0
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3	2020	2	0
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5			
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2			
						FIB359	Mô hình tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2018	2	2.5
						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2017	1	4.8
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3			
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5			
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2			
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1			
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			

							66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
							QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2018	1	4.0	
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2017	2	8.0	
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	Hè	Cthi	
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4				
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4				
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Tin học cơ sở - Nhóm tự chọn: Tin học cơ sở - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2019	1	3.5	
							SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2017	2	4.5	
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
9	59136041	Hà Hương	Giang	153	132	6.18	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3				
10	59130726	Nguyễn Sỹ	Hiếu	68	103	6.02	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						



							FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3				
							AUD302	Kiểm soát nội bộ	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							MAT313	Giải tích	3	2017	1	4.3	
							MAT327	Toán 1	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2018	1	4.5	
							ECS230	Kinh tế vĩ mô	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2019	1	4.5	
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
11	59136291	Trần Đăng	Khoa	105	123	6.22	<b>Lý do không đạt:</b>						
							Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							FIB352	Tài chính quốc tế	3				
							FLS310	Tiếng Anh A1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							EPM320	Con người và môi trường	2	2021	2	4.4	
							ENE334	Biến đổi khí hậu	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4				
							FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4				
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4				
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4				
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4				

							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
12	59131084	Nguyễn Đình	Khôi	-110	9	5.60	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB362	Thanh toán quốc tế	3			
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3			
							MAT312	Đại số tuyến tính	2			
							POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			
							FIB339	Toán tài chính	2			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							FIB353	Quản trị tài chính 1	3			
							FIB354	Tài chính công	2			
							FIB348	Bảo hiểm	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					

						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	2	3.5
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2017	2	2.7
						POL320	Lôgic học đại cương	2			
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2017	2	0
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						EPM320	Con người và môi trường	2			
						ENE334	Biến đổi khí hậu	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2018	2	0
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2018	2	0
						ECS335	Marketing căn bản	3			
						BUA336	Luật kinh doanh	3			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3			
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3			
						BUA349	Quản trị chiến lược	3			
						BUA364	Quản trị chiến lược	3			
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3			

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	2017	1	0
					FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
					FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2017	2	0.5
					BUA325	Quản trị học	3			
					BUA319	Nhập môn Quản trị học	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB351	Quản trị tài chính 2	3			
					FIB324	Quản trị tài chính 2	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2			
					FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	4.0
					POL307	Triết học Mác - Lênin	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>				
					FIB376	Tài chính hành vi	2	2020	2	0
					FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3	2020	2	0
					FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5			
					DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
					FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2			
					FIB359	Mô hình tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					MAT313	Giải tích	3	2017	1	2.0
					MAT327	Toán 1	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2018	1	0

						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2018	1		3.0
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2017	1		3.4
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1A - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1A - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5				
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
						QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1	2017	2		7.5
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				

							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Tin học cơ sở - Nhóm tự chọn: Tin học cơ sở - Số tín chỉ đạt: 2</b>													
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2017	2		3.4
							SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>													
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2019	1		0
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
13	59131555	Tô Mai	Ngân	46	92	6.24	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>													
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1				
							FIB357	Đầu tư tài chính	3				
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3				
							MAT312	Đại số tuyến tính	2				
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>													
							EPM320	Con người và môi trường	2	2021	1		0
							ENE334	Biến đổi khí hậu	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>													
							BUA336	Luật kinh doanh	3	2018	1		5.3
							AUD349	Kế toán quản trị	3	2018	2		4.0
							ECS335	Marketing căn bản	3				
							DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
							FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3				
							DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>													
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	2021	1		0

						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>											
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>											
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	2021	1	0
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>											
						FIB376	Tài chính hành vi	2			
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3			
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5			
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2			
						FIB359	Mô hình tài chính	3			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>											
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2017	2	6.0
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>											
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2021	1	0
						FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Tin học cơ sở - Nhóm tự chọn: Tin học cơ sở - Số tín chỉ đạt: 2</b>											
						SOT303	Tin học cơ sở	2	2017	2	2.9
						SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3			
14	59132209	Phan Trần Huy	Tân	140	138	7.11	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
							QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5					
							QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2					
							QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1					
							66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3					
							66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3					
							QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2					
15	59132915	Mai Trần	Tú	-57	60	6.76	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>							
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1					
							ACC345	Kế toán tài chính	4					
							ECS332	Kinh tế lượng	3					
							FIB337	Thuế	3					
							FIB357	Đầu tư tài chính	3					
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3					
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3					
							FLS310	Tiếng Anh A1	4					
							MAT312	Đại số tuyến tính	2					
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
							FIB353	Quản trị tài chính 1	3					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2017	2		0	
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2017	2		0	
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2017	2		0	
							POL320	Lôgic học đại cương	2					

						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2					
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>							
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2018	1	1.8		
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2018	2	7.5		
						ECS335	Marketing căn bản	3					
						AUD349	Kế toán quản trị	3					
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3					
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3					
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4					
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4					
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2017	2	0.5		
						BUA325	Quản trị học	3					
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3	2019	2	0		
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							

					FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	2020	1	0
					FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	2.0
					POL307	Triết học Mác - Lênin	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
					FIB376	Tài chính hành vi	2	2020	2	7.2
					FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3	2020	2	1.0
					FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5	2020	2	0
					DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
					FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2			
					FIB359	Mô hình tài chính	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					MAT313	Giải tích	3	2018	1	3.8
					MAT327	Toán 1	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	0
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2017	1	3.8
					QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3			
					66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5			
					QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2			
					QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1			
					66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
					66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			



						FIB352	Tài chính quốc tế	3					
						FIB357	Đầu tư tài chính	3					
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3					
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3					
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3					
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3					
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3					
						FLS310	Tiếng Anh A1	4					
						MAT312	Đại số tuyến tính	2					
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						FIB339	Toán tài chính	2					
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3					
						FIB354	Tài chính công	2					
						FIB348	Bảo hiểm	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
						POL320	Lôgic học đại cương	2					
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2017	2	3.0		
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2					
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					ENE334	Biến đổi khí hậu	2	2018	1	0
					EPM320	Con người và môi trường	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>				
					ECS335	Marketing căn bản	3			
					DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			
					BUA336	Luật kinh doanh	3			
					AUD349	Kế toán quản trị	3			
					TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
					FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3			
					DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB371	Kiểm soát nội bộ	3			
					BUA349	Quản trị chiến lược	3			
					BUA364	Quản trị chiến lược	3			
					FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
					FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
					AUD302	Kiểm soát nội bộ	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
					FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
					FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2017	2	0.5
					BUA325	Quản trị học	3			
					BUA319	Nhập môn Quản trị học	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB351	Quản trị tài chính 2	3			

						FIB324	Quản trị tài chính 2	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2				
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>												
						FIB376	Tài chính hành vi	2	2020	2		0
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3	2020	2		0
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5				
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2				
						FIB359	Mô hình tài chính	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Giải tích - Nhóm tự chọn: Giải tích - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						MAT313	Giải tích	3	2017	1		3.7
						MAT327	Toán 1	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS330	Kinh tế vi mô	3				
						ECS230	Kinh tế vi mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3				
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1A - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1A - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5				
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				

						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
						QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4				
						FLS312	Tiếng Anh A2.1	4				
						FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4				
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Tin học cơ sở - Nhóm tự chọn: Tin học cơ sở - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						SOT303	Tin học cơ sở	2	2017	2		0
						SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2019	1		0
						POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Cao đẳng - 59C.KT (CDN59)

Ngành: Kế toán (6340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 65

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	59169400	Nguyễn Ngọc Chi	44	77	6.57	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	4.5
						ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	2.5
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>											
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1	6.0
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
2	59160339	Nguyễn Thị Mỹ Dung	-81	45	5.96	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số học phần phải đạt: 1</b>											
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2019	1	0
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2	2019	2	3.9
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 05 - Nhóm tự chọn: 05 - Số tín chỉ đạt: 2</b>											
						INS238	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2017	2	4.5

						EPM320	Con người và môi trường	2					
						INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 06 - Nhóm tự chọn: 06 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						SSH213	Pháp luật đại cương	2	2017	2		4.0	
						SSH313	Pháp luật đại cương	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 08 - Nhóm tự chọn: 08 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						MAT206	Toán kinh tế 1	4	2017	1		4.4	
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
						MAT312	Đại số tuyến tính	2					
						MAT306	Toán kinh tế 1	4					
						MAT305	Toán kinh tế 1	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB237	Thuế	3	2018	1		3.5	
						75766	Thuế	3					
						FIB337	Thuế	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1		3.5	
						ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2		1.8	
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3					
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						SOT203	Tin học cơ sở	2	2017	1		5.3	
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						SOT303	Tin học cơ sở	2					
						SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3					
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						SOT202	Tin học cơ sở và thực hành	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3	2018	1		2.5	
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3					
						ACC226	Nguyên lý kế toán	4					

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1	2.3
					FIB346	Quản trị tài chính	3	2019	2	3.5
					75570	Quản trị tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	1.5
					AUD348	Kế toán chi phí	3	2019	2	2.8
					75241	Kế toán chi phí	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC270	Đề án tổ chức hạch toán kế toán	1	2019	1	5.0
					ACC269	Tổ chức hạch toán kế toán	2	2019	1	4.3
					ACC370	Đề án tổ chức hạch toán kế toán	1			
					ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
					ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
					ACC256	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC251	Kế toán tài chính 3	3	2019	1	4.1
					ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	3.3
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	2.3
					ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2019	1	1.5
					AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	1	2.5
					AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
					AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
					AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
					AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				

							AUD349	Kế toán quản trị	3	2019	1	3.8
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	2.0
3	59160431	Đỗ Lê Hồng	Nga	-118	37	6.42	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3			
							QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3			
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2			
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2017	Hè	4.6
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số học phần phải đạt: 2</b>					
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2018	1	5.0
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2017	2	2.0
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 05 - Nhóm tự chọn: 05 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							INS238	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2017	2	0
							EPM320	Con người và môi trường	2			
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					

						FIB260	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2019	2	2.1
						FIB258	Thị trường chứng khoán	3	2019	2	1.8
						FIB259	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
						FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	2.1
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						AUD272	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2019	1	5.0
						AUD247	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
						AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
						AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3			
						AUD273	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	3.5
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3			
						ACC226	Nguyên lý kế toán	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1	0
						75570	Quản trị tài chính	3			
						FIB346	Quản trị tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					

					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	3.0
					ECS329	Kinh tế vi mô	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	1.5
					AUD348	Kế toán chi phí	3			
					75241	Kế toán chi phí	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC270	Đề án tổ chức hạch toán kế toán	1	2019	1	5.0
					ACC269	Tổ chức hạch toán kế toán	2	2019	1	3.0
					ACC370	Đề án tổ chức hạch toán kế toán	1			
					ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
					ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
					ACC256	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC251	Kế toán tài chính 3	3	2019	1	0.5
					ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	3.4
					ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	1	1.3
					AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
					AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
					AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
					AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
					AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2018	2	4.4
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	4.0
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
4	59160432	Đinh Thị Thanh	Ngân	57	84	6.07	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1	5.0
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
5	59169015	Lê Nguyễn Chiêu	Nghi	-139	31	5.59	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3			
							QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3			
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2			
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2018	2	3.7
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 05 - Nhóm tự chọn: 05 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							INS238	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2017	2	0
							EPM320	Con người và môi trường	2			
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 07 - Nhóm tự chọn: 07 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							POL201	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	3.8

						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2				
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FIB260	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2019	2	0	
						FIB259	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
						FIB258	Thị trường chứng khoán	3				
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	2.2	
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3				
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3				
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						AUD273	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2019	1	0.5	
						AUD272	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2019	1	5.0	
						AUD247	Hệ thống thông tin kế toán 1	3				
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2				
						AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3				
						AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						SOT203	Tin học cơ sở	2	2017	1	6.6	
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						SOT303	Tin học cơ sở	2				
						SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3				
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1				

					SOT202	Tin học cơ sở và thực hành	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	4.3	
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3				
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
					FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1	0.5	
					75570	Quản trị tài chính	3				
					FIB346	Quản trị tài chính	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	0	
					ECS329	Kinh tế vi mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	1.5	
					AUD348	Kế toán chi phí	3				
					75241	Kế toán chi phí	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
					ACC270	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1	2019	1	0	
					ACC269	Tổ chức hạch toán kế toán	2	2019	1	4.5	
					ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1				
					ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2				
					ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3				
					ACC256	Tổ chức hạch toán kế toán	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
					ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
					ACC251	Kế toán tài chính 3	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>											
					ACC344	Kế toán tài chính 1	3				
					ACC244	Kế toán tài chính 1	3				
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4				

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2019	1	2.5
							AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	1	5.0
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
							AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	3.3
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
6	59160471	Nguyễn Thị Bích	Phuon g	-72	52	6.33	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số học phần phải đạt: 2</b>					
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1	2019	1	6.0
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2017	2	3.0
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 07 - Nhóm tự chọn: 07 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2019	1	0
							POL201	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	4.8
							POL307	Triết học Mác - Lênin	3			

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 09 - Nhóm tự chọn: 09 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2020	1	3.3
					POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2018	2	4.8
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2020	1	0
					FIB260	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2019	2	4.5
					FIB258	Thị trường chứng khoán	3	2019	2	5.5
					FIB259	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
					AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
					FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
					FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
					AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
					AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	3.8
					ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	2.6
					ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
					ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2020	1	0
					AUD273	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2019	1	0
					AUD272	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2019	1	5.8
					AUD247	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
					AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
					AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
					AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	4.0
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3	2017	Hè	3.2
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				

						FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1	3.0
						75570	Quản trị tài chính	3			
						FIB346	Quản trị tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2019	2	1.5
						ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	4.5
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						AUD348	Kế toán chi phí	3	2020	1	1.5
						AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	4.0
						75241	Kế toán chi phí	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	3.1
						ACC326	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	0
						ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2020	1	0
						AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2019	1	4.3
						AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	1	6.5
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
						AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
						AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	4.4
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
7	59160472	Đình Hồng	Quân	34	74	5.67	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	4.0
						AUD348	Kế toán chi phí	3	2019	2	2.3
						75241	Kế toán chi phí	3			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	2.7
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	2.5
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	1	5.2
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
8	59160480	Trần Thị Như	Quỳnh	20	74	5.90	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	4.7
							ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	2.8
							ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
							ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2020	1	5.0
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2019	1	4.1
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2017	1	4.5
							SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3			
							SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							SOT202	Tin học cơ sở và thực hành	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ECS329	Kinh tế vi mô	3	2019	1	4.0
							ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	0
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	1	2.5
							ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	2.7
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Lý do không đạt:</b>					

9	59160491	Lương Đức	Thanh	-114	32	6.44	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2019	1	4.6
							QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3			
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2			
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2019	1	0
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2			
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FIB260	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB259	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
							FIB258	Thị trường chứng khoán	3			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	0
							ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
							ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					AUD273	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2019	1	0
					AUD272	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2019	1	3.5
					AUD247	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
					AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
					AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
					AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
					AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	1	0
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	2.5
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1	0
					75570	Quản trị tài chính	3			
					FIB346	Quản trị tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	0
					ECS329	Kinh tế vi mô	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	1.5
					AUD348	Kế toán chi phí	3			
					75241	Kế toán chi phí	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC270	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1	2019	1	0
					ACC269	Tổ chức hạch toán kế toán	2	2019	1	0
					ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
					ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
					ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
					ACC256	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				

							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							ACC251	Kế toán tài chính 3	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2019	1	0	
							ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	1.9	
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3				
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2019	1	0	
							AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	1	0	
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1				
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
							AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3				
							AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	2	0	
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							AUD349	Kế toán quản trị	3	2019	1	0	
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	1.0	
10	59160520	Nguyễn Thị Lan	Tiên	-31	55	6.36	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số học phần phải đạt: 2</b>						
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1	2018	1	5.0	
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2017	2	2.5	
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				

					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 05 - Nhóm tự chọn: 05 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
					INS238	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2017	2		0	
					INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2					
					EPM320	Con người và môi trường	2					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 09 - Nhóm tự chọn: 09 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
					POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2018	2		4.8	
					POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
					FIB237	Thuế	3	2018	1		4.5	
					FIB337	Thuế	3	2019	2		4.0	
					75766	Thuế	3					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
					ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2		1.4	
					ACC342	Kế toán tài chính 2	3					
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4					
					ACC346	Kế toán tài chính 2	3					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
					FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1		1.0	
					FIB346	Quản trị tài chính	3	2019	2		3.0	
					75570	Quản trị tài chính	3					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
					ECS329	Kinh tế vi mô	3	2018	2		3.0	
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2		0	
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
					AUD348	Kế toán chi phí	3	2019	2		2.5	
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2		4.0	
					75241	Kế toán chi phí	3					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
					ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2		2.6	
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4					

							ACC347	Kế toán tài chính 1	4				
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2019	1	5.0	
							AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	1	1.5	
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	2	2.5	
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1				
							AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3				
							AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	4.3	
							AUD349	Kế toán quản trị	3				
11	59160539	Lý Đào Quang	Triết	-182	18	6.04	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1				
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2019	1	3.8	
							QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2				
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2	2019	1	4.6	
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số học phần phải đạt: 2</b>						

						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2017	2	Vắng
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chày)	1			
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 05 - Nhóm tự chọn: 05 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						INS238	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2017	2	0
						EPM320	Con người và môi trường	2			
						INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 06 - Nhóm tự chọn: 06 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						SSH313	Pháp luật đại cương	2	2019	2	3.7
						SSH213	Pháp luật đại cương	2	2017	2	0.5
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 07 - Nhóm tự chọn: 07 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2019	1	2.5
						POL201	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	3.5
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 08 - Nhóm tự chọn: 08 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						MAT206	Toán kinh tế 1	4	2017	1	4.7
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
						MAT312	Đại số tuyến tính	2			
						MAT306	Toán kinh tế 1	4			
						MAT305	Toán kinh tế 1	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB237	Thuế	3	2018	1	3.5
						FIB337	Thuế	3	2019	2	0
						75766	Thuế	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						SSH223	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2017	1	3.3
						SSH315	Thực hành văn bản tiếng Việt	2			
						SSH215	Thực hành văn bản tiếng Việt	2			

						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FIB260	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB259	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
						FIB258	Thị trường chứng khoán	3				
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3	2021	1	0	
						ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	0	
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3				
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2020	2	6.7	
						AUD247	Hệ thống thông tin kế toán 1	3				
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
						AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3				
						AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3				
						AUD273	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
						AUD272	Hệ thống thông tin kế toán 1	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						SOT303	Tin học cơ sở	2	2020	1	6.7	
						SOT203	Tin học cơ sở	2	2017	1	4.2	
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2017	2	1.3	
						SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3				
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						SOT202	Tin học cơ sở và thực hành	3				

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	2.0
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2018	Hè	0
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB346	Quản trị tài chính	3	2021	1	0
					FIB246	Quản trị tài chính	3			
					75570	Quản trị tài chính	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ECS329	Kinh tế vi mô	3	2021	1	0
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	0
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	0
					AUD348	Kế toán chi phí	3	2020	2	0
					75241	Kế toán chi phí	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC370	Đề án tổ chức hạch toán kế toán	1			
					ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
					ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
					ACC270	Đề án tổ chức hạch toán kế toán	1			
					ACC269	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
					ACC256	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
					ACC251	Kế toán tài chính 3	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	0
					ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				

							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2021	1	2.5
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
							AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD349	Kế toán quản trị	3	2021	1	0
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	0
12	59160564	Đỗ Lê Nhật	Vy	32	72	6.28	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2020	2	3.5
							ACC225	Nguyên lý kế toán	3			
							ACC226	Nguyên lý kế toán	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3	2020	1	3.0
							AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	2.0
							75241	Kế toán chi phí	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	2	6.4
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD349	Kế toán quản trị	3	2019	1	4.0
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	0

13	59160360	Nguyễn Thị Minh	Hằng	-39	50	5.91	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 06 - Nhóm tự chọn: 06 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SSH313	Pháp luật đại cương	2	2019	1	4.8
							SSH213	Pháp luật đại cương	2	2017	2	4.9
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	4.3
							ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	3.3
							ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
							ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD273	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2019	1	4.0
							AUD272	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2019	1	5.5
							AUD247	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3			
							AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2017	1	4.3
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
							SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3			
							SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							SOT202	Tin học cơ sở và thực hành	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1	3.3
							75570	Quản trị tài chính	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			

								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
							ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	3.0
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
							AUD348	Kế toán chi phí	3	2020	1	0
							AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	4.0
							75241	Kế toán chi phí	3			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 22 - Nhóm tự chọn: 22 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
							ACC270	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1	2019	1	6.5
							ACC269	Tổ chức hạch toán kế toán	2	2019	1	4.5
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							ACC356	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
							ACC256	Tổ chức hạch toán kế toán	3			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
							ACC251	Kế toán tài chính 3	3	2019	1	3.3
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 30 - Nhóm tự chọn: 30 - Số học phần phải đạt: 1</b>				
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	2	3.9
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
							AUD349	Kế toán quản trị	3	2019	1	3.7
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	2.4
14	59169106	Lê Thị Kim	Khánh	57	83	5.83	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>				
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4	2020	1	Cthi
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
15	59160420	Cao Hoàng	Minh	-128	39	6.10	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					

						85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1				
						ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 01 - Nhóm tự chọn: 01 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3	2017	1	2.4	
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
						QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 02 - Nhóm tự chọn: 02 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 03 - Nhóm tự chọn: 03 - Số học phần phải đạt: 2</b>						
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 04 - Nhóm tự chọn: 04 - Số học phần phải đạt: 1</b>						
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 07 - Nhóm tự chọn: 07 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						POL201	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	0	
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2				

						POL307	Triết học Mác - Lênin	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 08 - Nhóm tự chọn: 08 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						MAT206	Toán kinh tế 1	4	2017	1		3.2
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3				
						MAT312	Đại số tuyến tính	2				
						MAT306	Toán kinh tế 1	4				
						MAT305	Toán kinh tế 1	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 09 - Nhóm tự chọn: 09 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2018	2		4.8
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						SSH223	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2017	1		0
						SSH315	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				
						SSH215	Thực hành văn bản tiếng Việt	2				
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FIB260	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2019	2		5.9
						FIB258	Thị trường chứng khoán	3	2019	2		0
						FIB259	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1		2.8
						ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2		4.3
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3				
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												

					SOT203	Tin học cơ sở	2	2017	1	6.5
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
					SOT303	Tin học cơ sở	2			
					SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3			
					SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
					SOT202	Tin học cơ sở và thực hành	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 18 - Nhóm tự chọn: 18 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3	2018	1	1.8
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3			
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	3.5
					ECS329	Kinh tế vi mô	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	3.0
					AUD348	Kế toán chi phí	3			
					75241	Kế toán chi phí	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC251	Kế toán tài chính 3	3	2019	1	2.4
					ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	3.2
					ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
					AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
					AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3			
					AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
					AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			

						AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>												
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
16	59160454	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	-38	62	6.12	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 04 - Nhóm tự chọn: 04 - Số học phần phải đạt: 1</b>												
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 07 - Nhóm tự chọn: 07 - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						POL201	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1		4.0
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2				
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 08 - Nhóm tự chọn: 08 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						MAT206	Toán kinh tế 1	4	2017	1		4.3
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3				
						MAT312	Đại số tuyến tính	2				
						MAT306	Toán kinh tế 1	4				
						MAT305	Toán kinh tế 1	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2		1.8
						ACC346	Kế toán tài chính 2	3				
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3				
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 17 - Nhóm tự chọn: 17 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						SOT203	Tin học cơ sở	2	2017	1		4.5
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2018	Hè		5.0

						SOT303	Tin học cơ sở	2					
						SOT302	Tin học cơ sở và thực hành	3					
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						SOT202	Tin học cơ sở và thực hành	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1		2.5	
						FIB346	Quản trị tài chính	3	2019	2		2.3	
						75570	Quản trị tài chính	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 25 - Nhóm tự chọn: 25 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						POL233	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2018	1		0	
						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2		3.7	
						ACC344	Kế toán tài chính 1	3					
						ACC326	Kế toán tài chính 1	4					
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 28 - Nhóm tự chọn: 28 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						AUD275	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1	2019	1		4.5	
						AUD274	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2019	1		6.0	
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1					
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2					
						AUD353	Hệ thống thông tin kế toán 2	3					
						AUD253	Hệ thống thông tin kế toán 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phần phải đạt: 1</b>							
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4					
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4					
17	59160482	Lê Tô Văn	Sâm	52	82	5.67	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC342	Kế toán tài chính 2	3	2021	1		3.4	
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1		0.5	

							ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	0
							ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
18	59160529	Lê Thoại Bích	Trâm	-77	46	5.62	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 05 - Nhóm tự chọn: 05 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							EPM320	Con người và môi trường	2	2021	1	0
							INS338	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2019	2	4.3
							INS238	Tin học ứng dụng trong kinh tế	2	2017	2	4.5
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 06 - Nhóm tự chọn: 06 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SSH313	Pháp luật đại cương	2	2020	1	2.6
							SSH213	Pháp luật đại cương	2	2017	2	3.7
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 07 - Nhóm tự chọn: 07 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							POL307	Triết học Mác - Lênin	3	2020	1	4.0
							POL201	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2017	1	4.0
							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	2	3.0
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 08 - Nhóm tự chọn: 08 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3	2021	1	0
							MAT206	Toán kinh tế 1	4	2017	1	4.0
							MAT312	Đại số tuyến tính	2	2020	Hè	5.0
							MAT306	Toán kinh tế 1	4			
							MAT305	Toán kinh tế 1	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FIB260	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2019	2	3.3
							FIB258	Thị trường chứng khoán	3	2019	2	5.8
							FIB259	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			

					AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
					AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					ACC342	Kế toán tài chính 2	3	2021	1	0	
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	3.4	
					ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	1.9	
					ACC346	Kế toán tài chính 2	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					AUD273	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2019	1	3.5	
					AUD272	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2019	1	5.0	
					AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1	2020	2	0	
					AUD247	Hệ thống thông tin kế toán 1	3				
					AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2				
					AUD347	Hệ thống thông tin kế toán 1	3				
					AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 19 - Nhóm tự chọn: 19 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					FIB246	Quản trị tài chính	3	2019	1	1.3	
					FIB346	Quản trị tài chính	3	2019	2	0	
					75570	Quản trị tài chính	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 20 - Nhóm tự chọn: 20 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					ECS329	Kinh tế vi mô	3	2020	1	3.8	
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2017	2	0	
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	4.5	
					AUD348	Kế toán chi phí	3	2019	2	0	
					75241	Kế toán chi phí	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 24 - Nhóm tự chọn: 24 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					ACC251	Kế toán tài chính 3	3	2019	1	2.3	
					ACC351	Kế toán tài chính 3	3	2019	2	2.0	
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	2.7	

							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2020	2	0
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 29 - Nhóm tự chọn: 29 - Số học phải đạt: 1</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1	5.0
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 31 - Nhóm tự chọn: 31 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD349	Kế toán quản trị	3	2020	1	4.0
							AUD249	Kế toán quản trị	3	2018	2	3.8
19	59160568	Võ Ngọc Tường	Vy	29	83	6.89	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2019	1	4.4
							ACC246	Kế toán tài chính 2	3	2018	2	2.1
							ACC346	Kế toán tài chính 2	3			
							ACC342	Kế toán tài chính 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 21 - Nhóm tự chọn: 21 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD248	Kế toán chi phí	3	2018	2	3.5
							AUD348	Kế toán chi phí	3	2019	2	0.5
							75241	Kế toán chi phí	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 26 - Nhóm tự chọn: 26 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC244	Kế toán tài chính 1	3	2018	2	4.4
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 60.KIT (60.KIT)

Ngành: Kế toán (chuyên ngành Kiểm toán) (7340301A)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 154

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên		TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	60135075	Trần Thiện	Anh	92	108	6.35	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>												
							BUA336	Luật kinh doanh	3			
							ECS330	Kinh tế vĩ mô	3			
							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
							FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: ktcc1 - Nhóm tự chọn: ktcc1 - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	3.6
							ACC344	Kế toán tài chính 1	3			
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: NGOẠI NGỮ A2 - Nhóm tự chọn: NGOẠI NGỮ A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	2	4.1

							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	1	4.6
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
2	60136460	Võ Thị Quỳnh	Như	144	129	6.53	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kttc2 - Nhóm tự chọn: kttc2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2022	1	Vắng
							ACC342	Kế toán tài chính 2	3	2020	1	0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 60.KT (60.KT)

Ngành: Kế toán (7340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 157

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TỔNG ĐIỂM	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm	
							<b>Lý do không đạt:</b>					

1	60135345	Nguyễn Bảo	Duy	-7	51	5.68	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							BUA336	Luật kinh doanh	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							AUD339	Kiểm toán 1	3			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD340	Kiểm toán 2	2			
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2021	1	6.4
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2018	2	5.8
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	1.3

						ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	2		5.6
						FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4				
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
						FLS3057	Tiếng Nhật (A2.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	2		4.5
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						ENE334	Biến đổi khí hậu	2	2018	2		3.1
						EPM320	Con người và môi trường	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4				
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4				
						FLS3058	Tiếng Nhật (B1.1)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4				
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
						FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1		0
						ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS330	Kinh tế vi mô	3	2021	2		4.4
						ECS230	Kinh tế vi mô	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2018	2		1.0
						ECS229	Kinh tế vi mô	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: thể dục - Nhóm tự chọn: thể dục - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2018	2		6.5

							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1					
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1					
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1					
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1					
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1					
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1					
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1					
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>														
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2		4.2	
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2		2.5	
							DAA351	Đề án tốt nghiệp	10					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4					
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
2	60139172	Lê Hải	Duy	108	107	6.10	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>														
							AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3					
							BUA336	Luật kinh doanh	3					
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>														
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2021	1		6.8	
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2020	1		1.5	
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2					
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>														
							EPM320	Con người và môi trường	2					

							ENE334	Biến đổi khí hậu	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1	1.0	
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
							MAT313	Giải tích	3				
							MAT312	Đại số tuyến tính	2				
							MAT328	Toán 2	2				
							MAT206	Toán kinh tế 1	4				
3	60136848	Nguyễn Quyết	Thắng	117	120	6.66	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2019	2	4.0	
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2019	2	6.9	
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2018	2	2.5	
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2				
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2				
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4	2021	2	0	
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	5.3	
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	6.0	
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	5.5	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
4	60132252	Đỗ Khánh	Trang	39	83	6.07	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						

						ACC351	Kế toán tài chính 3	3					
						ACC367	Kế toán quốc tế	3					
						AUD349	Kế toán quản trị	3					
						AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3					
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1					
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3					
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2					
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2018	2	5.3		
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	2	4.5		
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2					
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2021	1	4.4		
						ACC327	Kế toán tài chính 2	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	2	4.3		

							ACC330	toán)	3				
							ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							ECS329	Kinh tế vi mô	3	2018	2	1.2	
							ECS229	Kinh tế vi mô	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: qp1 - Nhóm tự chọn: qp1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2				
							QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: thể dục - Nhóm tự chọn: thể dục - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2	0	
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	4.4	
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	5.5	
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	6.4	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
5	60137422	Thái Hữu	Tuần	105	106	5.92	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						

							BUA336	Luật kinh doanh	3				
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3				
							FIB346	Quản trị tài chính	3				
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	2	4.5	
							POL307	Triết học Mác - Lênin	3	2021	2	2.5	
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 15 - Nhóm tự chọn: 15 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
							POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2019	1	4.5	
							POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2022	1	5.0	
							POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2021	2	2.5	
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2022	1	Vắng	
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2	0	
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	3.8	
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	4.5	
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	5.0	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
6	60137470	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	145	129	6.74	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2021	2	5.4	
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
							FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4				
7	60135704	Đỗ Thị Quỳnh	Hương	149	129	6.44	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	2	4.7	
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				

8	60136023	Mai Thành	Long	69	103	6.07	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							BUA336	Luật kinh doanh	3			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2020	2	3.5
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 12 - Nhóm tự chọn: 12 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	2	4.5
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							FLS3056	Tiếng Nhật (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							MAT313	Giải tích	3	2020	2	5.5
							MAT312	Đại số tuyến tính	2	2018	2	3.9
							MAT328	Toán 2	2			
							MAT206	Toán kinh tế 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: qp1 - Nhóm tự chọn: qp1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3	2021	1	4.6
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2			
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2	0
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	3.5
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	5.5
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	3.8
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
9	60130728	Thái Yến	Nhi	146	126	6.20	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FIB337	Thuế	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	2	4.1
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
10	60136385	Đình Nguyễn Hồng	Nhi	145	127	6.14	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	2	4.6
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
11	60130808	Nguyễn Hồng	Phuon g	90	111	6.33	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							BUA336	Luật kinh doanh	3			
							ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2022	1	6.4
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2018	2	5.5

							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2				
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2020	2		3.0
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3	2022	1		7.4
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2				
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
							FIB339	Toán tài chính	2				
							ECS335	Marketing căn bản	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2		7.7
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2		4.7
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2		4.8
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2		6.9
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
12	60139122	Đặng Lê Yến	Thanh	145	137	6.63	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4	2022	1		6.1
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4				
							FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4				
13	60139124	Nguyễn Thị Thu	Thùy	154	130	6.61	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							FIB337	Thuế	3				

14	60137313	Huỳnh Ánh	Trình	138	132	6.55	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2020	1	7.1
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2021	2	7.2
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2			
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2			
							POL307	Triết học Mác - Lênin	3			
15	60131906	Nguyễn Thị	Hạnh	46	104	6.07	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>					
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2019	1	7.5
							SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2018	2	4.5
							SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2018	2	6.0
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
							SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
							SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	1	5.0

						FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4				
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
						FLS3057	Tiếng Nhật (A2.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	2		4.8
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2021	2		4.3
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
						FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1		4.8
						ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
						MAT313	Giải tích	3	2018	1		5.2
						MAT312	Đại số tuyến tính	2	2018	2		3.7
						MAT328	Toán 2	2				
						MAT206	Toán kinh tế 1	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: qp3 - Nhóm tự chọn: qp3 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2	2021	1		7.6
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
						ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4	2021	2		0
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2		5.0
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2		6.0

							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	6.8
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
16	60135576	Lê Thị Ngọc	Hiếu	98	95	6.57	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							BUA336	Luật kinh doanh	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	2.9
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1	4.8
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ECS329	Kinh tế vi mô	3	2018	2	4.5
							ECS229	Kinh tế vi mô	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2	0
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	0
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	0
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
17	60131474	Nguyễn Thị Hồng	Huy	117	121	6.22	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2020	2	5.6

							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
							FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1	4.5	
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2	0	
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	5.5	
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	6.0	
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	5.8	
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
18	60135806	Nguyễn Minh	Khai	151	129	6.38	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							ACC367	Kế toán quốc tế	3				
19	60136486	H Mê	Niê	133	126	5.92	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	1	3.1	
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
							FIB339	Toán tài chính	2	2019	1	3.7	
							ECS335	Marketing căn bản	3	2019	2	6.5	
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2				
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
			Phươn				<b>Lý do không đạt:</b>						

20	60136624	Trần Thị Bích	g	86	111	6.36	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							FIB337	Thuế	3			
							ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	Hè	6.0
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							FLS3057	Tiếng Nhật (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
							FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
							FLS3058	Tiếng Nhật (B1.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
							FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	4.8
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	6.5
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	6.5
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
21	60136766	Trịnh Thị Tú	Sương	45	87	6.23	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			

						FIB337	Thuế	3					
						FIB346	Quản trị tài chính	3					
						AUD339	Kiểm toán 1	3					
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2021	1		8.0	
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	2		3.6	
						ACC326	Kế toán tài chính 1	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 14 - Nhóm tự chọn: 14 - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2					
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4					
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4					
						FLS3058	Tiếng Nhật (B1.1)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4					
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4					
						FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2022	1		3.3	
						ACC327	Kế toán tài chính 2	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ECS330	Kinh tế vi mô	3	2022	1		4.6	



							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2				
23	60135489	Cao Thị Như	Hạnh	66	101	6.20	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							AUD348	Kế toán chi phí	3				
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
							BUA336	Luật kinh doanh	3				
							FIB337	Thuế	3				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2021	2	3.4	
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	1	5.5	
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4				
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
							FLS3057	Tiếng Nhật (A2.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2022	1	4.0	
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
							FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2022	1	1.1	
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: qp1 - Nhóm tự chọn: qp1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2				
							QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
							66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3				

								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>				
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	4.4
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	5.8
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	5.2
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
24	60135636	Bạch Huy Phương	Hoàng	80	133	6.48	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							FIB337	Thuế	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
							FIB339	Toán tài chính	2			
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
							ECS335	Marketing căn bản	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2022	1	3.5
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							MAT312	Đại số tuyến tính	2	2019	1	5.0
							MAT313	Giải tích	3	2018	2	3.0
							MAT328	Toán 2	2			
							MAT206	Toán kinh tế 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: thể dục - Nhóm tự chọn: thể dục - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2019	1	3.0

							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2020	2	Hoãn
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1	2018	2	9.0
							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2022	1	5.8
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	5.8
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	5.5
							DAA351	Đề án tốt nghiệp	10			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
25	60139065	Trần Thị Diệu	Minh	126	125	6.21	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC367	Kế toán quốc tế	3			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 16 - Nhóm tự chọn: 16 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							BUA325	Quản trị học	3			
							BUA319	Nhập môn Quản trị học	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2	8.0
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	4.0
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	6.8
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	6.8
							DAA351	Đề án tốt nghiệp	10			
26	60136690	Lê Thị Thu	Quyền	149	129	6.61	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					

							ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2020	1	4.8
							ACC327	Kế toán tài chính 2	4			
27	60131521	Nguyễn Bá Khánh	Thiện	145	130	6.28	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2022	1	5.5
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
							FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4			
28	60137033	Nguyễn Cao Anh	Thư	116	110	6.15	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2			
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2020	2	0
							FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
							FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			
29	60131430	Nguyễn Thị Bích	Trâm	-18	62	6.19	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			

					AUD348	Kế toán chi phí	3					
					AUD349	Kế toán quản trị	3					
					AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
					AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1					
					AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2					
					AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1					
					FIB337	Thuế	3					
					FIB345	Ngân hàng thương mại	3					
					MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
					ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2					
					ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
					AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					
					ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3					
					AUD340	Kiểm toán 2	2					
					AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
					SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2019	1	5.1		
					SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2018	2	5.0		
					SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2					
					SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
					SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
					SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2					
					SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4	2020	2	Hoãn		
					ACC326	Kế toán tài chính 1	4					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 13 - Nhóm tự chọn: 13 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	1	5.4		
					FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4					
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4					

						FLS3057	Tiếng Nhật (A2.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						EPM320	Con người và môi trường	2				
						ENE334	Biến đổi khí hậu	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>						
						ECS335	Marketing căn bản	3	2020	2		6.8
						FIB321	Thị trường chứng khoán	2				
						FIB320	Thanh toán quốc tế	2				
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3				
						FIB339	Toán tài chính	2				
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4				
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4				
						FLS3058	Tiếng Nhật (B1.1)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4				
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
						FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4	2021	1		3.1
						ACC327	Kế toán tài chính 2	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: qp3 - Nhóm tự chọn: qp3 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				
						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3				
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3				
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5				

								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quốc phòng 3 - Nhóm tự chọn: quốc phòng 3 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
							QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2				
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: thể dục - Nhóm tự chọn: thể dục - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2020	1	6.0	
							65003	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							DAA351	Đề án tốt nghiệp	10				
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4				
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2				
30	60137198	Nguyễn Ngọc Huyền	Trâm	134	128	6.60	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
								<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tốt nghiệp - Nhóm tự chọn: tốt nghiệp - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2021	2	7.6	
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2	2021	2	4.4	
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	2	7.3	
							AUD380	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	2021	2	6.3	
							DAA351	Đề án tốt nghiệp	10				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 60.TCNH (60.TCNH)

Ngành: Tài chính - Ngân hàng (7340201)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 157

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	60135356	Trần Lê Công Duy	-130	10	6.00		<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						ACC345	Kế toán tài chính	4			
						ECS329	Kinh tế vi mô	3			
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						ECS332	Kinh tế lượng	3			
						FIB337	Thuế	3			
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
						FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
						FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
						FIB352	Tài chính quốc tế	3			
						FIB357	Đầu tư tài chính	3			
						FIB358	Thị trường chứng khoán	3			

						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3				
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3				
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3				
						FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3				
						MAT322	Xác suất - Thống kê	3				
						POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				
						SOT303	Tin học cơ sở	2				
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1				
						SSH313	Pháp luật đại cương	2				
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2				
						FIB339	Toán tài chính	2				
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2				
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3				
						FIB354	Tài chính công	2				
						FIB348	Bảo hiểm	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>						
						POL320	Lôgic học đại cương	2				
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2				
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2				
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2018	2	1.9	
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3				
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						EPM320	Con người và môi trường	2				



						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2				
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	1		3.3
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
						FIB376	Tài chính hành vi	2				
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3				
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5				
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2				
						FIB359	Mô hình tài chính	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	1		0
						ACC330	toán)	3				
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3				
						QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2				
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1A - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1A - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2	2018	1		0
						66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5				
						66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2				
						QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1				

						66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3						
						66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3						
						QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quốc phòng 4 - Nhóm tự chọn: quốc phòng 4 - Số tín chỉ đạt: 2</b>								
						QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2						
						QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>								
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1						
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1						
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1						
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1						
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1						
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1						
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>								
						FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4						
						FLS312	Tiếng Anh A2.1	4						
						FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>								
						FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4						
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4						
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>								
						POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3						
						POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3						
2	60135595	Trần Duyên	Hiếu	12	99	6.79	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
						<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>								

						FIB337	Thuế	3					
						FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3					
						FIB357	Đầu tư tài chính	3					
						FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3					
						FIB362	Thanh toán quốc tế	3					
						SOT303	Tin học cơ sở	2					
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>							
						BUA336	Luật kinh doanh	3	2019	1		3.9	
						ECS335	Marketing căn bản	3	2020	2		5.3	
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					
						AUD349	Kế toán quản trị	3					
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3					
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3					
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3	2020	2		1.8	
						BUA349	Quản trị chiến lược	3					
						BUA364	Quản trị chiến lược	3					
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4					
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4					
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3	2020	2		0	



								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	1	0
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
3	60136174	Hoàng Quốc	Nam	-100	28	6.79	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB362	Thanh toán quốc tế	3			
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3			
							MAT312	Đại số tuyến tính	2			
							MAT313	Giải tích	3			
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							FIB339	Toán tài chính	2			

						ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
						FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
						FIB353	Quản trị tài chính 1	3					
						FIB348	Bảo hiểm	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2020	1	2.4		
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2020	1	5.6		
						POL320	Lôgic học đại cương	2	2018	2	1.5		
						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2018	2	6.1		
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2					
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2					
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2018	2	1.2		
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3					
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2					
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>							
						ECS335	Marketing căn bản	3	2019	1	0.9		
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2022	1	0		
						AUD349	Kế toán quản trị	3	2019	2	0		
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3	2019	2	4.0		
						BUA336	Luật kinh doanh	3					
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3					
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3	2020	2	1.8		
						BUA349	Quản trị chiến lược	3	2020	2	3.0		
						BUA364	Quản trị chiến lược	3					
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3					

						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3				
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4				
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4				
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						BUA325	Quản trị học	3				
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2				
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3	2020	2		0
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	2021	1		0
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	1		2.5
						POL307	Triết học Mác - Lênin	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5	2021	2		8.0
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2021	2		3.8
						FIB359	Mô hình tài chính	3	2021	2		7.7
						FIB376	Tài chính hành vi	2				
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3				
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2019	1		4.5
						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3				

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	1	3.0
					ACC330	toán)	3			
					ACC225	Nguyên lý kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1A - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1A - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2	2018	1	4.8
					66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
					66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1	2021	1	6.2
					QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2			
					66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
					66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
					QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quốc phòng 4 - Nhóm tự chọn: quốc phòng 4 - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2			
					QPAD04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh chủng)	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2020	1	7.5
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
					85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
					851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				

							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4					
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2020	1	3.4		
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3					
4	60139114	Huỳnh Hạ	Sinh	-74	51	6.17	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>							
							ACC345	Kế toán tài chính	4					
							ECS329	Kinh tế vi mô	3					
							ECS332	Kinh tế lượng	3					
							FIB337	Thuế	3					
							FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3					
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3					
							FIB352	Tài chính quốc tế	3					
							FIB357	Đầu tư tài chính	3					
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3					
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3					
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3					
							FIB362	Thanh toán quốc tế	3					
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3					
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3					
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2					
							FIB339	Toán tài chính	2					
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2					
							FIB353	Quản trị tài chính 1	3					
							FIB354	Tài chính công	2					
							FIB348	Bảo hiểm	2					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							

						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2019	1	6.3
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2	2018	2	5.0
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2018	2	0
						POL320	Lôgic học đại cương	2			
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						EPM320	Con người và môi trường	2			
						ENE334	Biến đổi khí hậu	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
						ECS335	Marketing căn bản	3			
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			
						BUA336	Luật kinh doanh	3			
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3			
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB371	Kiểm soát nội bộ	3			
						BUA349	Quản trị chiến lược	3			
						BUA364	Quản trị chiến lược	3			
						FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
						FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3			
						AUD302	Kiểm soát nội bộ	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			

						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						BUA325	Quản trị học	3				
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2				
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						FIB351	Quản trị tài chính 2	3				
						FIB324	Quản trị tài chính 2	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2				
						FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>						
						FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2021	2	0	
						FIB376	Tài chính hành vi	2				
						FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3				
						FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5				
						DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10				
						FIB359	Mô hình tài chính	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ECS330	Kinh tế vĩ mô	3				
						ECS230	Kinh tế vĩ mô	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3				
						ACC330	toán)	3				
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						QPAD01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)	2	2018	1	4.8	
						66006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (45 tiết)	3				
						QPAD011	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3				



						<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
					FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3			
					FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
					FIB357	Đầu tư tài chính	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
					FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	2021	2	2.5
					FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
					FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5	2021	2	0
					FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2	2021	2	5.5
					FIB359	Mô hình tài chính	3	2021	2	5.7
					FIB376	Tài chính hành vi	2			
					FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3			
					DAA351	Đồ án tốt nghiệp	10			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 2 - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 2 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					QPAD044	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2	2021	2	8.0
					QPAD033	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)	1			
					66010	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (45 tiết)	3			
					66008	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (LT+TH)	3			
					QPAD03	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)	5			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1	2022	1	0
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2019	1	7.5
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
					85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2020	1	4.7
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	2	4.8
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
7	60137205	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	63	90	6.73	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
							FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			
							FIB362	Thanh toán quốc tế	3			
							FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							FIB369	Thẩm định tín dụng	2			
							FIB353	Quản trị tài chính 1	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							BUA336	Luật kinh doanh	3	2020	2	5.8
							FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3	2021	2	3.3
							ECS335	Marketing căn bản	3			
							DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
							DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			

								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
							FIB324	Quản trị tài chính 2	3	2021	2	0
							FIB351	Quản trị tài chính 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 9 - Nhóm tự chọn: 9 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2	2021	1	0.5
							FIB364	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: CÔNG TÁC TN - Nhóm tự chọn: CÔNG TÁC TN - Số tín chỉ đạt: 10</b>					
							FIB376	Tài chính hành vi	2			
							FIB375	Các công cụ tài chính phái sinh	3			
							FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp (Tài chính - ngân hàng)	5			
							DAA351	Đề án tốt nghiệp	10			
							FIB368	Tài chính công ty đa quốc gia	2			
							FIB359	Mô hình tài chính	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2021	Hè	2.8
							ECS230	Kinh tế vĩ mô	3			
8	60137310	Cao Thị Tuyết	Trinh	2	63	6.56	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC345	Kế toán tài chính	4			
							ECS329	Kinh tế vĩ mô	3			
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
							ECS332	Kinh tế lượng	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
							FIB352	Tài chính quốc tế	3			
							FIB357	Đầu tư tài chính	3			
							MAT312	Đại số tuyến tính	2			
							MAT313	Giải tích	3			
							MAT322	Xác suất - Thống kê	3			
							SOT303	Tin học cơ sở	2			

					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1						
					SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2						
					FIB339	Toán tài chính	2						
					FIB353	Quản trị tài chính 1	3						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>								
					POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2018	2	4.2			
					POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3						
					POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2						
					POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>								
					ECS335	Marketing căn bản	3						
					DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2						
					BUA336	Luật kinh doanh	3						
					AUD349	Kế toán quản trị	3						
					TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3						
					FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3						
					DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>								
					FLS314	Tiếng Anh B1.1	4						
					FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>								
					FLS315	Tiếng Anh B1.2	4						
					FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 8 - Nhóm tự chọn: 8 - Số tín chỉ đạt: 3</b>								
					FIB351	Quản trị tài chính 2	3						
					FIB324	Quản trị tài chính 2	3						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>								
					POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	1	4.0			
					POL307	Triết học Mác - Lênin	3						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vĩ mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vĩ mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>								

							ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	2019	1	3.5
							ECS230	Kinh tế vĩ mô	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	1	3.5
							ACC330	toán)	3			
							ACC225	Nguyên lý kế toán	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: QUỐC PHÒNG 1A - Nhóm tự chọn: QUỐC PHÒNG 1A - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							QPAD02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	2	2018	1	0
							66009	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (75 tiết)	5			
							66007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (30 tiết)	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	1	0
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
9	60131208	Ngô Đặng Phú	Tuyển	135	118	6.58	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC345	Kế toán tài chính	4			

							ECS329	Kinh tế vi mô	3					
							ECS332	Kinh tế lượng	3					
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	1	1.0		
							ACC330	toán)	3	2022	1	0		
							ACC225	Nguyên lý kế toán	3					
10	60139169	Hà Việt	Đức	131	127	6.56	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>							
							ACC345	Kế toán tài chính	4					
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2					
							FIB339	Toán tài chính	2					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
							FIB371	Kiểm soát nội bộ	3	2020	2	3.5		
							BUA349	Quản trị chiến lược	3					
							BUA364	Quản trị chiến lược	3					
							FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
							FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3					
							AUD302	Kiểm soát nội bộ	3					
11	60139064	Lê Nhật Gia	Hân	36	100	6.88	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>							
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1					
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3					
							ECS332	Kinh tế lượng	3					
							MAT312	Đại số tuyến tính	2					
							POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 6</b>							
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2019	1	7.1		

						SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2018	2	0
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2018	2	8.0
						POL320	Lôgic học đại cương	2			
						SSH324	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			
						SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2			
						SSH317	Nhập môn Hành chính nhà nước	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 10 - Nhóm tự chọn: 10 - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						POL318	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
						POL218	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3			
						POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			
						POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
						FIB302	Phương pháp nghiên cứu khoa học (ngành Tài chính-Ngân hàng)	3	2019	2	6.0
						ECS335	Marketing căn bản	3			
						DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			
						BUA336	Luật kinh doanh	3			
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
						TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
						DAA352	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 5 - Nhóm tự chọn: 5 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
						FLS397	Tiếng Trung (B1.1)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 6 - Nhóm tự chọn: 6 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
						FLS398	Tiếng Trung (B1.2)	4			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 7 - Nhóm tự chọn: 7 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						BUA325	Quản trị học	3			
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2			
						BUA319	Nhập môn Quản trị học	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: chính trị 1 - Nhóm tự chọn: chính trị 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					

							POL301	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2018	1	3.5
							POL307	Triết học Mác - Lênin	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a - Nhóm tự chọn: tiếng anh a - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4			
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4			
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tiếng anh a2 - Nhóm tự chọn: tiếng anh a2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS3052	Tiếng Pháp (A2.2)	4			
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
12	60136029	Nguyễn Phước	Long	146	126	6.54	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							MAT312	Đại số tuyến tính	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: đường lối - Nhóm tự chọn: đường lối - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							POL340	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3	2020	1	0
							POL240	Đường lối CM của Đảng CS Việt Nam	3			
13	60136254	Phan Tịnh	Nghi	147	131	7.46	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					



						ACC345	Kế toán tài chính	4				
						MAT313	Giải tích	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kt - Nhóm tự chọn: nguyên lý kt - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC330	toán)	3	2022	1		4.6
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2021	2		4.8
						ACC225	Nguyên lý kế toán	3				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 60B.KT (Bằng hai) (60B.KT)

Ngành: Kế toán (Bằng 2) (7340301\_B)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 75

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	Tên họ	Tên đệm	Tên lót	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	60180078	Mai Thị	Phuon	g	67	70	7.31	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét			
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>											
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4		
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4		
2	60180085	Nguyễn Ngọc	Tài		54	57	6.73	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét			
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>											

							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
3	60180139	Phan Thị Vũ	Vân	71	74	6.32	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Cao đẳng - 60C.KT (60C.KT)

Ngành: Kế toán (6340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 93

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TGN	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm	
1	60160242	Nguyễn Thị Phương	Hà	74	79	5.99	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			

								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1	6.0
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2020	1	4.8
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
2	60160290	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	89	84	6.60	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	2.5
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2021	2	4.9
3	60162467	Nguyễn Đình	Khang	-39	12	7.13	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC364	Luật kế toán	2			
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			

						SSH313	Pháp luật đại cương	2					
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4					
						POL302	Chính trị 1	2					
						QPAC01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3					
						QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2					
						POL306	Chính trị 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2021	1		0	
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2021	2		0	
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2021	2		0	
						TRE362	Khởi sự kinh doanh	2					
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1		4.7	
						ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2020	1		5.0	
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1					
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
						ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>							
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2020	2		0	
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2020	2		0	
						AUD339	Kiểm toán 1	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2021	1		2.0	

						ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	0
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						ACC330	toán)	3	2021	1	1.7
						ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1	2.0
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						BUA325	Quản trị học	3			
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2			
						BUA224	Quản trị học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3	2021	1	0.4
						FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1	0
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
						85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
						SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	0
						SOT303	Tin học cơ sở	2			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
						MAT205	Toán B	3	2018	1	0
						MAT327	Toán 1	3			
4	60160548	Phan Thị Thùy	Linh	89	78	6.13	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
						<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4			

5	60161688	Nguyễn Thị	Thắm	-35	17	6.94	<b>Lý do không đạt:</b>				
							Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
						ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
						ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
						ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
						AUD348	Kế toán chi phí	3			
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
						FIB337	Thuế	3			
						SSH313	Pháp luật đại cương	2			
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
						POL302	Chính trị 1	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2018	2	1.7
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2021	2	0.5
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	2018	2	0
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2018	2	0
						TRE362	Khởi sự kinh doanh	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1	4.7
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	1	7.2
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
						ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
						ACC331	Kế toán ngân hàng	2			
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>				

					AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2020	1	2.0
					AUD339	Kiểm toán 1	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	0
					ECS329	Kinh tế vi mô	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1	3.6
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2020	2	2.0
					ACC330	toán)	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1	1.0
					BUA325	Quản trị học	3			
					BUA224	Quản trị học	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2019	1	3.3
					FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2020	1	0
					851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
					85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
					FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2020	1	Cthi
					FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2019	2	6.5
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2019	1	0
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	0
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							MAT205	Toán B	3	2018	1	0
							MAT327	Toán 1	3			
6	60161040	Nguyễn Như	Thảo	52	54	6.08	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							FIB337	Thuế	3			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>					
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2018	1	0
							SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2020	1	4.9
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	2	Cthi
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2020	1	3.7
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	4.3
7	60161692	Huỳnh Ngân	Thảo	23	44	5.66	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			

					AUD348	Kế toán chi phí	3					
					AUD349	Kế toán quản trị	3					
					FIB337	Thuế	3					
					FIB346	Quản trị tài chính	3					
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
					AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1		5.0	
					ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2020	1		3.5	
					AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1					
					ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
					AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
					AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
					ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					
					AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
					AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>							
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2018	1		2.8	
					SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1		3.0	
					ECS329	Kinh tế vi mô	3	2019	2		0	
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1		4.9	
					BUA325	Quản trị học	3					
					BUA224	Quản trị học	3					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
					FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1		4.8	
					FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4					



						ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4					
						POL302	Chính trị 1	2					
						QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2					
						POL306	Chính trị 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1					
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
						ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
						ACC331	Kế toán ngân hàng	2					
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>							
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2019	1	0		
						AUD339	Kiểm toán 1	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	3.0		
						ECS329	Kinh tế vi mô	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1	2.9		
						ACC330	toán)	3					
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1	0		
						BUA325	Quản trị học	3					



							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2019	2	6.0
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	2	5.1
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	3.9
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
12	60161455	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	-23	27	5.55	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC364	Luật kế toán	2			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							POL302	Chính trị 1	2			

						POL306	Chính trị 2	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2018	2		3.5
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2018	2		0
						TRE362	Khởi sự kinh doanh	2				
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2				
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2022	1		0
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2	2022	1		1.4
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
						ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						ACC331	Kế toán ngân hàng	2				
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						AUD339	Kiểm toán 1	3				
						AUD354	Kiểm toán cơ bản	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2020	2		0
						ECS229	Kinh tế vi mô	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1		0
						ACC330	toán)	3				
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1		0
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>												

							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1	2022	1	7.0
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1	4.7
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	4.4
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							MAT205	Toán B	3	2019	1	3.8
							MAT327	Toán 1	3			
13	60162186	Nguyễn Thị Bích	Hợp	24	41	5.38	<b>Lý do không đạt:</b> Điểm trung bình tích lũy không đạt khung Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							FIB337	Thuế	3			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					

							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1	4.5
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2020	1	6.2
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	2	4.6
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	2	0
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	4.7
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2018	2	2.4
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							MAT205	Toán B	3	2019	1	4.6
							MAT327	Toán 1	3			
14	60161621	Trần Thị Kim	Khánh	28	59	6.23	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC364	Luật kế toán	2			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							POL302	Chính trị 1	2			

						QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2				
						POL306	Chính trị 2	3				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1		7.0
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2	2022	1		0
						ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2020	1		2.5
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
						ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1	2022	1		0
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1				
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
						SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1		3.8
						SOT303	Tin học cơ sở	2	2021	Hè		4.8
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
						MAT205	Toán B	3	2018	1		3.2
						MAT327	Toán 1	3				
						<b>Lý do không đạt:</b>						

15	60162652	Lê Thị Kim	Ngân	-43	10	6.38	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1			
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC364	Luật kế toán	2			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							ACC370	Đề án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							POL302	Chính trị 1	2			
							QPAC01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3			
							QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2			
							POL306	Chính trị 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2018	2	0
							TRE362	Khởi sự kinh doanh	2			
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			

					AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
					AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
					ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
					AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
					ACC331	Kế toán ngân hàng	2				
					AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>						
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2018	2	0	
					SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2019	1	0	
					AUD339	Kiểm toán 1	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	0	
					ECS329	Kinh tế vi mô	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1	0.4	
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2019	1	0	
					ACC330	toán)	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1	0	
					BUA325	Quản trị học	3				
					BUA224	Quản trị học	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>						
					FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1	0	
					FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3				
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1	2018	2	8.0	
					851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1				
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				

							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2019	1	0
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	0
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							MAT205	Toán B	3	2018	1	0
							MAT327	Toán 1	3			
16	60160782	Lê Thị Yến	Nhi	62	64	5.64	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FIB337	Thuế	3			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	3.0
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC330	toán)	3	2021	1	2.0
							ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1	1.5
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	2	3.7
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
17	60160995	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	14	33	5.96	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					

						ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4						
						ACC351	Kế toán tài chính 3	3						
						AUD348	Kế toán chi phí	3						
						AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2						
						AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1						
						AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2						
						AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1						
						FIB337	Thuế	3						
						FIB346	Quản trị tài chính	3						
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4						
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>								
						AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1		4.5		
						ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2020	1		0		
						AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1						
						ACC371	Kế toán ngân hàng	2						
						AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2						
						AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2						
						ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2						
						AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2						
						AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>								
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2018	1		0		
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>								
						AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2019	1		4.7		
						AUD339	Kiểm toán 1	3						
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>								
						FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3	2020	1		2.0		
						FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1		2.5		
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>								

							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1	4.1
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2019	1	3.5
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							MAT205	Toán B	3	2018	1	2.0
							MAT327	Toán 1	3			
18	60161710	Lê Thị Thanh	Trang	59	65	6.06	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							FIB337	Thuế	3			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3	2020	1	4.0
							FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1	3.3
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2019	2	8.0
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2020	2	0
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1	3.2
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Lý do không đạt:</b>					

19	60161394	Trần Thị Ngọc	Uyên	-60	0	0	Điểm trung bình tích lũy không đạt khung Không đạt học phần khung xét					
<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>												
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC364	Luật kế toán	2			
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2			
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							FLS310	Tiếng Anh A1	4			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							POL302	Chính trị 1	2			
							QPAC01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3			
							QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2			
							POL306	Chính trị 2	3			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
							TRE362	Khởi sự kinh doanh	2			
							SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2			
							SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			
							SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2			
							SSH316	Tâm lý học đại cương	2			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												

					AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1	0
					ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2020	1	3.0
					AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
					ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
					AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
					AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
					ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
					AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
					AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>					
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
					SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2019	1	0
					AUD339	Kiểm toán 1	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	0
					ECS329	Kinh tế vi mô	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1	2.8
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2020	1	0
					ACC330	toán)	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1	0
					BUA325	Quản trị học	3			
					BUA224	Quản trị học	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1	0
					FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1	2019	2	7.5

							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1					
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1					
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1					
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1					
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1					
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1					
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	3.7		
							SOT303	Tin học cơ sở	2					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Toán B - Nhóm tự chọn: Toán B - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
							MAT205	Toán B	3	2018	1	3.0		
							MAT327	Toán 1	3					
20	60160207	Lương Mạnh	Duy	-50	3	6.00	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>							
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3					
							ACC364	Luật kế toán	2					
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2					
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1					
							AUD348	Kế toán chi phí	3					
							AUD349	Kế toán quản trị	3					
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2					
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1					

					AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2						
					AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1						
					FIB337	Thuế	3						
					FIB346	Quản trị tài chính	3						
					SSH313	Pháp luật đại cương	2						
					ACC347	Kế toán tài chính 1	4						
					ACC348	Kế toán tài chính 2	4						
					POL302	Chính trị 1	2						
					QPAC01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3						
					QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2						
					POL306	Chính trị 2	3						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>								
					SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2018	2	0			
					SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	2018	2	0			
					SSH316	Tâm lý học đại cương	2	2018	2	0			
					TRE362	Khởi sự kinh doanh	2						
					SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>								
					AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1						
					AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2						
					ACC371	Kế toán ngân hàng	2						
					AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2						
					AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2						
					ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2						
					AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2						
					ACC331	Kế toán ngân hàng	2						
					AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>								
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1						
					SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1						
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>								

					AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2019	1	0
					AUD339	Kiểm toán 1	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	0
					ECS329	Kinh tế vi mô	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2018	1	1.8
					ACC330	toán)	3			
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1	1.6
					BUA325	Quản trị học	3			
					BUA224	Quản trị học	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
					FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2018	1	0
					FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
					851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
					85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
					85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
					FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	1	4.2
					FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
					FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
					FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	0
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
21	60160329	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	79	73	6.10	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD339	Kiểm toán 1	3	2021	1	4.6
							AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2019	1	3.9
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2018	1	4.9
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2020	2	3.5
22	60163006	Trần Thị	Hoàng	89	79	6.71	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
23	60160399	Lê Kim	Huệ	87	79	6.34	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1	3.0
							ECS329	Kinh tế vi mô	3	2020	2	4.6
24	60160426	Phan Lê Công	Hữu	42	52	6.20	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB337	Thuế	3			

							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2020	1	5.3
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2020	1	4.5
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>					
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2019	2	3.5
							SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kiểm toán cơ bản - Nhóm tự chọn: kiểm toán cơ bản - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							AUD354	Kiểm toán cơ bản	3	2019	1	4.8
							AUD339	Kiểm toán 1	3			
25	60160688	Lương Thị Thanh	Ngân	85	76	6.05	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
26	60160732	Lê Thị Thanh	Nguyễn	89	78	6.28	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
27	60162455	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	-9	23	5.95	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					



						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
						ECS329	Kinh tế vi mô	3	2019	1		2.8
						ECS229	Kinh tế vi mô	3	2018	1		3.0
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1		4.9
						BUA325	Quản trị học	3				
						BUA224	Quản trị học	3				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>												
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2019	2		0
						851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
						85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
						85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
						85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1				
						85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1				
						85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2018	1		0
						FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
28	60162636	Hồ Đình Như	Ý	85	78	6.49	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
						FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2020	1		6.3
						FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 60D.KT (Liên thông từ Cao đẳng) (60D.KT)

Ngành: Kế toán (liên thông từ Cao đẳng) (7340301\_C)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 61

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	60180043	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Hương	42	49	6.61	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
						ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
						ACC343	Luật và chuẩn mực kế toán	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
						ACC381	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4	2019	2	0
						ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
2	60180064	Nguyễn Thị Kim	Ngân	34	46	6.14	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
						AUD334	Kế toán quản trị	2			
						AUD335	Kiểm toán 1	2			
						AUD338	Kiểm toán 2	2			

								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
								FIB348	Bảo hiểm	2	2020	2	0
								FIB347	Bảo hiểm	3	2018	2	0
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
								ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2020	1	0
								ACC381	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4	2019	2	0
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Kế toán thuế - Nhóm tự chọn: Kế toán thuế - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
								ACC328	Kế toán thuế	2	2018	1	3.5
								HC840	Chuyên đề kế toán thuế và báo cáo thuế	2			
3	60180103	Nguyễn Thị Kim	Thoa	42	43	6.42	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
								AUD371	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3			
								FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
								FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
								FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
								ACC329	Chuyên đề Báo cáo tài chính	2			
								AUD336	Hệ thống thông tin kế toán	2			
								AUD337	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán	1			
4	60180128	Nguyễn Thanh	Tú	43	46	5.91	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
								ACC367	Kế toán quốc tế	3			
								FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			
								ACC329	Chuyên đề Báo cáo tài chính	2			
								ACC331	Kế toán ngân hàng	2			
								AUD334	Kế toán quản trị	2			
								ACC343	Luật và chuẩn mực kế toán	2			
								<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Kế toán thuế - Nhóm tự chọn: Kế toán thuế - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
								ACC328	Kế toán thuế	2	2018	1	2.0
								HC840	Chuyên đề kế toán thuế và báo cáo thuế	2			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 61B.KT (Bảng hai) (61B.KT)

Ngành: Kế toán (Bảng 2) (7340301\_B)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 89

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên		TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	61180087	Phạm Thị Minh	Hà	70	81	6.55	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FIB345	Ngân hàng thương mại	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
							FLS3053	Tiếng Pháp (B1.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
							FLS3054	Tiếng Pháp (B1.2)	4			
2	61180404	Doãn Thị Thanh	Hà	73	81	7.69	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			

							FLS3053	Tiếng Pháp (B1.1)	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 4</b>												
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
							FLS3054	Tiếng Pháp (B1.2)	4			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Cao đẳng - 61C.KT (61C.KT)

Ngành: Kế toán (6340301)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 93

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm	
1	61161354	Nguyễn Nhật	Anh	89	81	6.21	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
2	61160060	Nguyễn Thị	Dự	83	77	6.05	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>												
							ECS229	Kinh tế vi mô	3	2019	1	4.2

							ECS329	Kinh tế vi mô	3	2021	2	3.9
3	61160086	Võ Thị Thu	Hà	89	80	6.20	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
4	61160095	Nguyễn Thị Kim	Hằng	82	71	6.25	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FIB337	Thuế	3			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
5	61160105	Đoàn Thị Thu	Hậu	3	41	5.88	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD354	Kiểm toán cơ bản	3			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1	5.0
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2	2021	1	0
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2021	1	4.4
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			

						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>				
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2021	1	2.5
					SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					MAT205	Toán B	3	2019	1	2.6
					MAT313	Giải tích	3			
					MAT327	Toán 1	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2019	1	1.0
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3			
					ACC330	toán)	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2021	2	3.5
					BUA325	Quản trị học	3			
					BUA224	Quản trị học	3			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>				
					FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3	2021	1	4.0
					FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2019	1	3.5
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>				
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2020	2	7.0
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
					85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
					85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
					85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
					851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Nhóm tự chọn: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Số tín chỉ đạt: 4</b>				
					ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4	2021	1	0
					ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
						<b>Lý do không đạt:</b>				

6	61161484	Nguyễn Thị	Hoài	84	75	5.93	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							FIB337	Thuế	3			
7	61160172	Lưu Thanh Xuân	Huyền	89	78	6.22	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
8	61161121	Phan Thị	Liễu	57	77	5.98	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							QPAC01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1	3.0
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2021	1	5.4
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ACC226	Nguyên lý kế toán	4	2019	1	3.9
							ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2021	2	3.9
							ACC330	toán)	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3	2019	1	4.0
							FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3			
							<b>Lý do không đạt:</b>					

9	61160791	Nguyễn Đặng Việt	Linh	60	74	5.90	Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD354	Kiểm toán cơ bản	3			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2020	1	4.3
							BUA325	Quản trị học	3			
							BUA224	Quản trị học	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4	2019	1	0
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4			
10	61161085	Đoàn Thị	Loan	89	84	6.11	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
11	61161190	Bùi Thị	Loan	64	63	5.97	<b>Lý do không đạt:</b>					
							Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							FIB337	Thuế	3			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2021	2	4.9
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2019	1	3.8
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2021	2	4.0
12	61160243	Nguyễn Thị Trúc	Ly	87	83	6.34	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>					
							ECS329	Kinh tế vi mô	3	2022	1	3.6
							ECS229	Kinh tế vi mô	3	2019	1	4.2
13	61161409	Đặng Như	Ngọc	48	64	6.08	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							SSH313	Pháp luật đại cương	2			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1	5.0
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2021	1	3.0
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2019	2	5.0
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1			
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1			
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1			
							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			

							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Nhóm tự chọn: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4	2021	1		0
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4				
14	61160330	Lê Nguyễn Ý	Nhi	41	63	5.85	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							AUD348	Kế toán chi phí	3				
							FIB337	Thuế	3				
							FIB346	Quản trị tài chính	3				
							SSH313	Pháp luật đại cương	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1		2.5
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2021	1		0.5
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1				
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2				
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2				
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2				
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Luật kế toán - Nhóm tự chọn: Luật kế toán - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							ACC364	Luật kế toán	2	2020	2		4.5
							ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1	2021	2		5.0
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1	2019	2		3.0
							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				

							85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Nhóm tự chọn: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4	2021	1	0
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2019	1	3.9
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
15	61161543	Trần Thị Hà	Phươn g	89	82	6.14	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
16	61160417	Nguyễn Thúy	Quỳnh	89	78	6.03	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
17	61160425	Hồ Ngọc	Sang	30	56	6.05	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1	6.5
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2021	1	0
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			



							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1					
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2					
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1					
							FIB337	Thuế	3					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Nhóm tự chọn: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4	2021	1	0		
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4					
19	61160871	Nguyễn Kiều Hồng	Thắm	48	58	6.26	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét							
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>							
							ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2					
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1					
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2					
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1	2.5		
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2021	1	0		
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1					
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2					
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2					
							AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
							AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
							ECS229	Kinh tế vi mô	3	2019	1	2.3		
							ECS329	Kinh tế vi mô	3					

							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Nhóm tự chọn: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4	2021	1	0
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4			
20	61131042	Nguyễn Nhật	Thăng	-32	19	6.36	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3			
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1			
							AUD348	Kế toán chi phí	3			
							AUD349	Kế toán quản trị	3			
							AUD354	Kiểm toán cơ bản	3			
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2			
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1			
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2			
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1			
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
							POL302	Chính trị 1	2			
							QPAC01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3			
							QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2			
							POL306	Chính trị 2	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2021	1	0
							AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2	2022	1	0
							ACC331	Kế toán ngân hàng	2	2021	1	0
							AUD376	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 3	1			
							ACC371	Kế toán ngân hàng	2			
							AUD363	Hệ thống thông tin kế toán 4	2			
							ACC332	Kế toán hành chính sự nghiệp	2			

					AUD263	Hệ thống thông tin kế toán 4	2					
					AUD262	Hệ thống thông tin kế toán 3	2					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>							
					SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1	2019	1		0	
					SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 4 - Nhóm tự chọn: 4 - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
					MAT205	Toán B	3					
					MAT313	Giải tích	3					
					MAT327	Toán 1	3					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kinh tế vi mô - Nhóm tự chọn: kinh tế vi mô - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
					ECS329	Kinh tế vi mô	3					
					ECS229	Kinh tế vi mô	3					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Luật kế toán - Nhóm tự chọn: Luật kế toán - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
					ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2					
					ACC364	Luật kế toán	2					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
					ACC226	Nguyên lý kế toán	4					
					ACC325	Nguyên lý kế toán	3					
					ACC330	toán)	3					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
					BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2021	2		0	
					BUA325	Quản trị học	3					
					BUA224	Quản trị học	3					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tài chính tiền tệ - Nhóm tự chọn: tài chính tiền tệ - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
					FIB341	Tài chính - Tiền tệ	3					
					FIB241	Tài chính - Tiền tệ	3					
					<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
					85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2020	1		7.0	
					85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1					
					85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1					
					85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1					

							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1			
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1			
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1			
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Nhóm tự chọn: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán)	4			
							ACC254	TTập Nghề nghiệp (8 tuần)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2019	1	3.6
							SOT203	Tin học cơ sở	2			
21	61160456	Lê Thị Phương	Thanh	79	80	5.97	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>					
							SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4	2021	2	4.5
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2019	1	3.9
							SOT303	Tin học cơ sở	2			
22	61160461	Nguyễn Tấn	Thành	85	78	5.71	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4			
23	61160875	Lê Thị Dạ	Thảo	83	72	6.08	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FIB337	Thuế	3			
							FIB346	Quản trị tài chính	3			

							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
24	61160503	Huỳnh Thị Trang	Thư	85	73	5.85	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4				
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
25	61161050	Trần Thị Bích	Thuận	89	81	6.72	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
26	61160519	Quảng Thị Anh	Thúy	85	78	5.98	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							SOT203	Tin học cơ sở	2	2019	1	4.0	
							SOT303	Tin học cơ sở	2				
27	61132751	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	-24	33	6.33	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							85065	Giáo dục thể chất (Chạy)	1				
							ACC351	Kế toán tài chính 3	3				
							ACC370	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1				
							AUD348	Kế toán chi phí	3				
							AUD354	Kiểm toán cơ bản	3				
							AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2				
							AUD373	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 1	1				
							AUD374	Hệ thống thông tin kế toán 2	2				
							AUD375	T.Hành Hệ thống thông tin kế toán 2	1				
							FIB337	Thuế	3				
							FIB346	Quản trị tài chính	3				

						FLS310	Tiếng Anh A1	4					
						SSH313	Pháp luật đại cương	2					
						ACC347	Kế toán tài chính 1	4					
						ACC348	Kế toán tài chính 2	4					
						POL302	Chính trị 1	2					
						QPAC01	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3					
						QPAC02	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2					
						POL306	Chính trị 2	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>							
						SSH320	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2019	1	0		
						SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	2019	1	0		
						SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	2019	2	0		
						TRE362	Khởi sự kinh doanh	2					
						SSH316	Tâm lý học đại cương	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 3 - Nhóm tự chọn: 3 - Số tín chỉ đạt: 1</b>							
						SOT304	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						SOT204	T.Hành Tin học cơ sở	1					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Luật kế toán - Nhóm tự chọn: Luật kế toán - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						ACC365	Luật và chuẩn mực kế toán	2					
						ACC364	Luật kế toán	2					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: nguyên lý kế toán - Nhóm tự chọn: nguyên lý kế toán - Số tín chỉ đạt: 3</b>							
						ACC325	Nguyên lý kế toán	3	2020	1	0		
						ACC226	Nguyên lý kế toán	4					
						ACC330	toán)	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: quản trị học - Nhóm tự chọn: quản trị học - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						BUA324	Nhập môn Quản trị học	2	2019	1	2.5		
						BUA325	Quản trị học	3					
						BUA224	Quản trị học	3					
						<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: THỂ DỤC - Nhóm tự chọn: THỂ DỤC - Số tín chỉ đạt: 2</b>							
						85097	Giáo dục thể chất (Bóng đá)	1	2021	2	8.0		
						85108	Giáo dục thể chất (Taekwondo)	1					

							85105	Giáo dục thể chất (Cầu lông)	1				
							85104	Giáo dục thể chất (Bóng rổ)	1				
							85098	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)	1				
							85067	Giáo dục thể chất (Đu quay)	1				
							85066	Giáo dục thể chất (Bơi lội)	1				
							851111	Giáo dục thể chất (Aerobic)	1				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Nhóm tự chọn: Thực Tập Nghề nghiệp 8 tuần - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							ACC254	Tập Nghề nghiệp (8 tuần)	4	2021	1	2.5	
							ACC380	Chuyên đề tốt nghiệp (Kế toán )	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4				
							FLS312	Tiếng Anh A2.1	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: TIẾNG ANH A2 - Nhóm tự chọn: TIẾNG ANH A2 - Số tín chỉ đạt: 4</b>						
							FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4				
							FLS313	Tiếng Anh A2.2	4				
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: tin học - Nhóm tự chọn: tin học - Số tín chỉ đạt: 2</b>						
							SOT303	Tin học cơ sở	2	2019	2	0	
							SOT203	Tin học cơ sở	2				
28	61160945	Trần Thị Nhã	Uyên	83	71	6.05	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét						
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>						
							FIB337	Thuế	3				
							FIB346	Quản trị tài chính	3				
							ACC348	Kế toán tài chính 2	4				

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học - 61D.KT (Liên thông từ Cao đẳng) (61D.KT)

Ngành: Kế toán (liên thông từ Cao đẳng) (7340301\_C)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 68

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên		TCN G	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	61180419	Lê Văn	Dũng	61	62	6.18	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
							AUD364	Chuyên đề Hệ thống thông tin kế toán	3			
2	61180092	Nguyễn Thị Thanh	Hà	64	64	6.22	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
3	61180523	Phạm Thu	Ngân	56	66	6.01	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 2 - Nhóm tự chọn: 2 - Số tín chỉ đạt: 2</b>					
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2			
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
							FIB339	Toán tài chính	2			
							FIB362	Thanh toán quốc tế	3			
							FIB358	Thị trường chứng khoán	3			
4	61180406	Phạm Công	Thơm	60	68	6.28	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			

							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
--	--	--	--	--	--	--	--------	----------------	---	--	--	--

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày tháng năm  
Người lập mẫu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách sinh viên không đạt tiêu chuẩn

Học kỳ: 2 - Năm học: 2022-2023

Tiêu chuẩn tốt nghiệp: Tiêu chuẩn Tốt nghiệp Đại học liên thông từ trung cấp kế toán-61T.KT (61T.KT)

Ngành: Kế toán (liên thông từ Trung cấp) (7340301\_T)

Số tín chỉ tích lũy của ngành học: 114

Điểm trung bình tích lũy: 5.50

Stt	Mã SV	Họ tên sinh viên	TGN	TCTL	TBTL	Mã HP	Tên học phần	TC	NH	HK	Điểm
1	61180405	Nguyễn Thị Như	Hồng	74	77	6.06	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét				
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>				
						AUD349	Kế toán quản trị	3			
						AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			
						ECS329	Kinh tế vi mô	3			
						ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
						FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
						FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 5</b>				
						FIB321	Thị trường chứng khoán	2	2019	1	5.5
						ECS335	Marketing căn bản	3	2019	1	3.6
						FIB320	Thanh toán quốc tế	2			

							FIB339	Toán tài chính	2			
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kế toán tài chính 1 - Nhóm tự chọn: kế toán tài chính 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					
							ACC326	Kế toán tài chính 1	4	2019	2	2.4
							ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
2	61180110	Đình Hoàng Thanh	Lê	106	98	6.55	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
3	61180120	Nguyễn Thị Phong	Trang	110	102	7.37	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			
							POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			
4	61180119	Trần Thanh	Vũ	74	83	6.38	<b>Lý do không đạt:</b> Không đạt học phần khung xét					
							<b>Các học phần bắt buộc không đạt</b>					
							AUD356	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			
							ECS329	Kinh tế vi mô	3			
							ECS330	Kinh tế vĩ mô	3			
							ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			
							FLS314	Tiếng Anh B1.1	4			
							FLS315	Tiếng Anh B1.2	4			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: 1 - Nhóm tự chọn: 1 - Số tín chỉ đạt: 5</b>					
							FIB321	Thị trường chứng khoán	2	2019	1	4.5
							ECS335	Marketing căn bản	3	2019	1	0
							FIB320	Thanh toán quốc tế	2			
							FIB339	Toán tài chính	2			
							TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3			
							<b>Nhóm tự chọn 1 cấp: kế toán tài chính 1 - Nhóm tự chọn: kế toán tài chính 1 - Số tín chỉ đạt: 4</b>					

						ACC347	Kế toán tài chính 1	4			
						ACC326	Kế toán tài chính 1	4			

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP  
HIỆU TRƯỞNG

Ngày    tháng    năm  
Người lập mẫu